Năm thứ hai. - Số 82
Thứ tư
21 Janvier 1942

# tri tân

tạp-chí văn-hoá ra hằng tuần

知新雜誌

## TRONG SỐ NÀY :

Những ông nghè triều Lê (VIII) — *Nguyễn-Văn-Tố*
Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ (XIII) — *Ứng-Hoè*
Ông Trần-Tiễn-Thành bị hại thế nào ? — *Tiên-Đàm*
Tân-Sở, một kinh-đô mới dưới triều vua Hàm-nghi — *Đạm Quốc-Thanh*
Quần-đảo Bornéo — *Nhật-Nham*
Học thêm — *Cây Thông*
Lý Chiêu-hoàng (V) — *Phan Khắc-Khoan*
Thoát cung vua Mạc (VIII) — *Chu-Thiên*
Nguyễn văn-Duyệt với Nguyễn Công-Trứ — *Vân-Thạch*
Vua Tự-đức cũng định cải cách việc học và phép thi — *Hoa-Bằng*
Chỉ tại hai câu phong-dao — *Hoa-Bằng*
Việt-nam văn-học sử (XIX) — *H. B*

REVUE
CULTURELLE HEBDOMADAIRE
136, RUE DU COTON, 136
HANOI

GIÁ BÁO.
mỗi số 15 xu
1 năm 6$80
6 tháng 3.50
3 tháng 1 80

Một bài học lịch-sử

# Chính vua Tự-đức cũng định cải-cách việc học và phép thi

Hoa-Bằng

*CHÍNH-SỰ cuối đời Tự-đức (1848-1883) hầu như một mớ tơ rối! Nhưng không phải là có một chiều, một sớm xảy ra Nguyên-nhân sâu-xa — nếu ta chịu xét kỹ — chỉ vì học kém và học lầm. Học kém, là không biết đến cái hay, cái mới của người. Học lầm, là cứ bo-bo giữ mãi tám vế kinh-nghĩa trong trường ốc!*

*Một cái ngạc-nhiên: Chính vua Tự-đức vẫn cứ canh-cánh lo tìm nhân-tài, nên đã tính cả đến việc cải-cách phép học, phép thi-cử. Nhưng sao nhà vua không mạnh-bạo thực-hành? Phải chăng tại đại đa số đình-thần bấy giờ, vì tính cầu-thả nhân tuần, vì lòng tự lợi, tự tư, đã làm hòn đá chân đường cải-cách về học-thuật cũng như về mọi phương diện khác?*

●

*Đọc mấy trang sử hồi Nguyễn-sơ, người ta nhận thấy ngay rằng nhân-tài bấy giờ rất thịnh, và văn-chương cũng rất hùng-tráng. Những áng văn có tiếng ở đời ấy hãy còn đầy-dẫy trên giấy trắng mực đen, chẳng hạn như:*

« Sửa mũ áo lạy về bắc khuyết, ngọn quang-minh hun mát tấm trung can;

« Chỉ non sông giã với cô thành, chén tân khổ nhắp ngon mùi chính khí » (1)

*Và:*

« Hồn tráng-sĩ biết đâu miền minh mạc, mịt mù gió lốc thổi dấu tha hương!

« Mặt chinh-phu khôn vẽ nét gian-nan, lập-lòe lửa chợi soi chừng cô-độ! » (2)

*Nhưng đến đời Tự-đức, khí-lực đã suy, văn-chương dần dần « lăn » xuống cái « dốc bạc-nhược »! Trong đám sĩ-phu, trừ ra một số ít có đầu óc sáng suốt và chí khí kiên-trinh, còn phần đông đều không làm phỉ được lòng vua Tự-đức đã khát-khao mong mỏi...*

*Chứng-cớ ấy chúng tôi tìm thấy ở trong một tờ dụ của nhà vua ban ra nhằm năm Tự-đức thứ ba (1850) nói về việc châm-chước sửa-định phép học, phép thi và ngạch giải-khôi (chước định học pháp, thi pháp tịnh giải ngạch).*

« . . . . .

« Khoa-mục mở rộng trải lâu năm rồi. Nhiều sĩ-phu bấy lâu nhờ ơn giáo-dục dần được hun nung, nắn đúc. Đáng lẽ nhân-tài ngày càng thịnh hơn thuở trước mới phải chứ? Thế mà cầu lấy hạng thực-tài trong đám kẻ sĩ lựa được trong khoa gần đây lại thấy khác hẳn những bực thực học ở khoảng năm Minh-mạng (1820-1840).

«Năm trước trẫm đã thân ngự nơi hiên, ra chế sách để lượm nhặt được rộng, hỏi han được nhiều. Song những bài vở đình đối bấy giờ chỉ là những văn phù-phiếm sơ-lược chứ không phải những văn thực-dụng thiết yếu!... »

*Xem mấy lời ấy ở trong tờ dụ trên, đủ biết vua Tự-đức bấy giờ cũng vẫn một lòng chăm chăm sốt sắng, như bồn chồn, như ao ước một cái thiếu-thốn và cần-thiết gì, mong mỏi tìm lấy một phương-pháp hay hơn, tốt hơn để làm cho đạt đến mục-đích, mục đích cầu được nhân tài.*

*Cho nên trong tờ dụ ấy lại nói:* « Ôi, trong vòng mười bước tất có cỏ thơm; thiên-hạ rộng rãi há lại không có kỳ tài? Song khoa-mục rộng hơn trước mà nhân tài lại dần dần không bằng xưa, phải chăng là do phép thi còn có chỗ không tinh mật, ngạch giải khôi có lẽ phần nhiều còn phiếm và lạm, nên mới đến nỗi thế? ... »

*Đó đủ chứng rằng nhà vua bấy giờ mong sửa cách thi cử thế nào để cầu lấy những tay thực-học, có thể kinh bang tế thế, thượng tri hạ trạch, dắt quốc-gia vào con đường lạc lợi phú cường, chứ không phải chỉ háo-hức chuốc lấy những người vuốt râu, rung đùi ngâm mấy câu thơ cho rõ kêu, hay gieo mấy vần phú cho thật kênh-kiệu.*

*Chính vua Dực-Tông đã viết trong một bài « chế-sách » rằng:* « Dĩ văn thủ nhân, phi trẫm bản tâm ». *(Dùng văn-chương để kén người, không phải là bản-tâm của trẫm). Vẫn cái ý ấy, vua Tự-đức lại nói trong tờ dụ kể trên:* « Thi-cử là một điển-lệ long-thịnh, có quan-hệ đến việc chính-trị lớn-lao, cũng nên một phen sửa-sang xếp đặt lại. Cốt phải bắc cân cho thật đúng, treo gương cho thật sáng, rồi sau mới được chân-tài, chứ há lại nên chỉ chuốc tiếng rộng-rãi mà bỏ mất điều cốt yếu là lựa-lọc nhân-tài? . . . »

*Có điều rất đáng lạ: sau tiếng gọi của nhà vua ân-cần, khẩn-thiết như vậy, thì bỗng có tiếng dội lại rất thành-thực, rất thiết-tha ra từ đáy lòng trong-sạch, sốt-sắng của một người công-dân*

*ở làng Bùi-chu, tỉnh Nghệ-an, người ấy là Nguyễn Trường-Tộ ; thế mà lời nói của ông không được dùng, bao tập điều-trần của ông cứ nằm im trong đống công-văn, rút cục thuốc hay vẫn không cứu chữa được thời bệnh !*

*Chính ông Nguyễn Trường-Tộ đã nêu cao lên rằng :* « Học-thuật mù-mờ thì phong-hóa suy đồi, nhân - tâm cũng phù - phiếm, khinh-bạc, điêu-ngoa, dối-trá ».

*Ông lại vạch rõ cho Triều-đình thấy cái dở và cái mâu thuẫn của lối học vu-khoát ở đương-thời :* « Thủa nhỏ, học nào lễ-nhạc, nào yến-tiệc, nào cư-xử, nào chiến-tranh về thời-đại đã qua của Trung-quốc, lớn lên lại làm những việc về lễ-nhạc, yến-tiệc, cư-xử, chiến-tranh trong thời-đại hiện-tại ở nước Nam »

*Mong chữa lại cái học sai lầm và hỏng to ấy, ông Nguyễn yêu cầu Triều-đình nên dắt nhân dân đi vào con đường học-thuật khác mới hơn, rộng hơn để thâu nhặt lấy « những món tri xảo của thiên-hạ», nghĩa là phải học thêm các môn học của Âu-tây. như pháp luật, nông phổ cách tri và kỹ-nghệ v.v.*

*Những lời hô hào của ông Nguyễn chỉ là tiếng nói trong bãi sa-mạc ! Nên chỉ những bực nhân tài có thực học như ý muốn của vua Tự-đức đã tỏ trong tờ dụ nói trên, chỉ là những người trong mộng !*

*Lịch sử đã cho người ta một bài học !*

*Việc dĩ-vãng đã đặt một vết xe để cảnh tỉnh hiện tại và tương lai !*

●

*Nhân đời Tự-đức muốn cải-cách phép học phép thi mà không làm xong này, chúng ta không khỏi nghĩ đến cái triết-lý về thuyết « tri, hành » (biết và làm).*

*Có thuyết cho rằng « biết » thì dễ, « làm » thì khó. Thuyết khac trái lại : « biết » khó, « làm » dễ. Còn thuyết nữa thì hợp « biết » và « làm » làm một (tri, hành hợp nhất) : có « biết » mới « làm » được, có « làm » được mới gọi là « biết ». Thuyết này là của nhà học-giả Vương-Dương-Minh.*

*Vậy xin nhờ các bạn độc-giả yêu-qui phán-đoán giúp xem thuyết nào đã đúng với trường-hợp định cải-cách việc học, việc thi ở triều Tự-đức.*

*HOA-BẰNG*

1) Văn tế phò-mã Võ-Tánh và Thượng-thư Ngô Tòng - Chu. Coi Tri-Tân số 22, trang 17; số 30, trang 5.

2) Văn tế trận vong tướng-sĩ. Coi Tri-Tân số 23, trang 17.

ĐÔNG-TÂY THƯ QUÁN
*195, phố hàng Bông Hanoi*

◆

Đã có bán

**Mẹo chữ Hán**

một cuốn sách mà ai ai dù đương học chữ Hán hay đã biết thông chữ Hán cũng đều phải xem

Giá 0$85 cước 0$06

*Các hiệu sách nên viết thư mua ngay kẻo hết*

**KHI XUÂN ĐẾN...**

Mỗi phòng khách cần nên có một SỐ XUÂN TRI-TÂN (Nhâm-ngọ, 1942) để trang-hoàng cho gia-đình thêm phần trịnh-trọng, tao - nhã...

Vì SỐ XUÂN TRI-TÂN có tấm bìa rất mỹ-thuật, có những bức vẽ rất nhã quan !

Vì SỐ XUÂN TRI-TÂN có nhiều bài vở khác hẳn lối thường người ta đã làm trên mặt sách, báo tết.

Vì SỐ XUÂN TRI-TÂN có cái đặc-tính vĩnh-viễn, chứ không mau già, chóng qua ;

Vì SỐ XUÂN TRI-TÂN vừa là món thưởng-giám trong dịp Tết vừa là tác-phẩm rất công phu, do

*Họa-sĩ TRỊNH-VÂN vẽ tranh và trình bày*

Và

*những cây bút mà các bạn vẫn quen biết như của Ứng-Hoè, Sở-Cuồng, Tảo-Trang, Cách-Chi, Nhật-Nham, Mạnh-Phan, Lê-Thanh, Tiên-Đàm, Khái-Sinh, Long-Điền, Chu-Thiên, Vân-Thạch, Trúc-Khê, Minh-Tuyền, Hoa-Bằng Nguyễn-Triệu và nhiều bạn khác biên soạn.*

## Bia Văn-miếu

# Những ông nghè triều Lê

Số 8

Ứng-Hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

TRỊNH-THANH (1411-1463) tên tự là Trực-Khanh, nguyên họ Hoàng, người làng Lương xá, phủ Ứng-thiên, huyện Chương-đức. Ngụ ở xã Trung-thanh-oai, huyện Thanh-oai. Mười chín tuổi đỗ khoa «hoành-từ» năm Thuận-thiên thứ tư (1431) Lúc mới được bổ làm Ngự-tiền học-sinh. Năm Thiệu-bình giáp dần (1434), thăng Cục-chưởng. Năm Thái-hòa quí-hợi (1443) làm Chánh-chưởng ở Nội-mật-viện, sung Phó-sứ sang Tàu tạ phong. Mùa xuân năm đinh-mão (1447), thăng Hàn-lâm thị-độc, tri-điện-tiền học-sinh-cục. Năm Diên-ninh kỷ-mão (1459), lại làm Phó-sứ sang cống bên Tàu và dãi tỏ về việc mỏ hạt châu. Mùa hè năm Quang-thuận nhâm-ngọ 1462), làm Môn-hạ-tỉnh hữu-tư lang-trung, tham-tri hải-tây-đạo quân-dân bạ-tịch. Hồi ấy, nhân có việc biến, vua cầu hiền, ông dâng sớ bày tỏ bảy điều : «một là thuận âm-dương để được khí hòa (nhất viết thuận âm dương dĩ triêu hòa-khí, nghĩa là vì ông vua như giời đất, làm cho thuận âm dương, như mùa xuân ấm, mùa hạ nắng, mùa thu mát, mùa đông rét : ông vua phải làm sao cho trong nước được thịnh vượng) ; hai là vua phải thân đến nhà sách để chăm học-hành ; ba là lập Thái-tử để cho cõi rễ nước được vững bền ; bốn là tiêu-pha tần-tiện để đủ chi-phí ; năm là trọng quan chức để ký thác việc chăn nuôi lũ sinh-linh ; sáu là lúc nào cũng phải luyện tập để cho nghiêm việc võ ; bảy là đặt những đồn-điền để cho đầy những kho chứa ở biên-thùy ». Vua nhận sớ. Trịnh-Thanh mất về mùa xuân năm quí-mùi (1463), năm năm-mươi-ba tuổi. Hiệu là Trực-khê. Tiên-sinh tính thanh - liêm thẳng thắn, trong khoảng hơn ba mươi năm, được những kẻ sĩ-phu tôn-trọng. Lương-như Hộc (xem *Tri-Tân*, số 28, trang 13) ở Hồng-châu đề bài tán vào bức di-tượng như sau này : « Lúc trẻ tuổi quen biết vua Thái-tổ (1418-1433) lúc nhớn vua Thánh-tôn (1460 1497) tin dùng, sự thể đầy đủ mà dùng được chu đáo ; làm con hiếu, làm bầy tôi trung, làm quan bốn triều, một lòng sau trước, thì thư đời ấy đời khác, cháu-chắt theo đường khoa-hoạn : thật là một họ to ở Ứng-thiên (ngày xưa Ứng-thiên có bốn huyện : Thanh-oai, Chương-đức, Sơn-minh và Hoài-an). Con là Hoàng-nghĩa-Phú đỗ trạng-nguyên (tức là đệ nhất giáp tiến-sĩ cập đệ) năm Hồng-thuận tân mùi (1511), làm quan đến Đô-ngự-sử. Cháu là Hoàng-Song đỗ tiến-sĩ đời Cung-đế năm Thống-nguyên bính-tuất (1527) làm quan đến Ngự-sử. Chắt là Hoành-Dụ đỗ Hoàng-giáp (tức là tiến-sĩ xuất thân) khoa nhâm - thìn năm Đại-chính (1532) nhà Mạc, làm quan đến Lại-bộ tả-thị-lang. Cháu họ là Khắc-Minh đỗ tiến-sĩ năm Hồng-đức thứ mười lam (1484), làm quan đến Lễ-bộ thượng-thư. Quyển *Liên triều hiến chương* còn chép tên một người cháu nữa là Tế-Ngọc, đỗ tiến sĩ khoa mậu-tuất năm Đại-chính nhà Mạc, làm quan đến Thừa-chanh sư ; nhưng xem trong sử nhà Mạc không có năm Đại-chính mậu-tuất, chỉ có năm mậu-tí (1528) là năm Minh-đức. Ông Trịnh-Thanh có làm quyển *Trúc-khê thi-tập*, hiện còn một bài cổ-thể và mười chín bài cận-thể trong bộ *Toàn-việt thi-lục* (sách viết của Bác-cổ, số A 1262, quyển 9, tờ 23 b - 28b).

Cùng khoa (1431) với ông Trịnh-Thanh, quyển *Đăng khoa lục* còn chép tên ba ông nghè nữa.

*Đặng-huệ-Liên*, hiệu là Tăng-khê, (*Toàn-Việt thi-lục*, q 9. tờ 18b, viết là Lỗ-khê), tên tự là Toàn-chi, đi sứ Tàu, làm quan đến Chuyển-vận phó sứ (xem hai bài thơ của ông là *Hoa-lư-động cổ-trạch* và *Quá cao-hoàng-miếu*, chép trong *Toàn-việt thi-lục*, q.9, tờ 18b)

*Chu-tam-Tỉnh*, tên tự là Tỉnh-chi, người huyện Thanh-đàm, làm quan đến Hàn-lâm-viện trực-học-sĩ, có bài thơ *Đoan-ngọ* và *Hoa-ngạc-lâu* trong *Toàn-việt thi-lục* (q. 9, tờ 13a).

Trần Phong (*Toàn-việt thi-lục*, q. 10, tờ 5a, viết là Trịnh-Phong), tên tự là Đại-khai, người Tiên-lữ (Khoái châu), làm quan đến thị-giảng. Năm Thái-hòa (1443) làm Nhập-thị kinh-diên. Ngoại-Dân tiếm ngôi (1459-1460) sai sang nhà Minh cầu phong. Lúc về, Thánh-Tôn (1460-1497) đã lên ngôi, cho làm Hình bộ thượng-thư, Cùng với Nguyễn-như-Đỗ, Nguyễn-cư-Đạo, Nguyễn-đình-Mỹ, làm quan ở sáu bộ, kiêm Thái-tử tân-khách. Năm Hồng-đức (1470-1497), vua gia cho làm Thái tử thiếu bảo, kiêm Đô-ngự-sử, thường bị rèm-pha. *Đăng-khoa-lục* chép là bị phải tội.

Về khoa quí-sửu (1433), năm Thuận-thiên thứ sáu, không rõ đanh số những ông nghè trúng tuyển, chỉ thấy chép tên ông CHU-XA ở *Đăng khoa lục* (q. 1, tờ 3a) và *Toàn-việt thi-lục* (q 9 tờ 19 a) Tên tự ông Chu-Xa là Khí-phủ, người huyện Yên-phú (Yên-phong) làm Chuyển - vận-sứ ở Tây-ấp, sau làm Thị-ngự-sử, phải tội bãi. Có năm bài thơ cận-thể, như bài « ba mươi tết », « đi thuyền buổi chiều », *Phụng sứ chiêm-thành*, v.v., trong *Toàn-việt thi-lục*, q. 9, tờ 19 a.

Năm ất-mão là năm Thiệu-bình thứ hai (1435), mùa hè, tháng năm, vua Thái-Tôn (1433 - 1442) mở khoa thi tại Vân-tập - đường ở Quốc-tử-giám. Trung-tuyển danh số không rõ, duy còn tên ông Nguyễn-nhật-Tuyên và ông Nguyễn - trở - Tấn. *Đăng khoa lục* (q. 1, tờ 3 a) chép Nguyễn-tử-Tấn là người Thanh-hoa (xem *Tri Tân*, số 27, trang 9). *Toàn-việt thi-lục* (q. 7, tờ 24 a) thì chép là người Triều-đông (Thượng-phúc), hiệu là Chuyết-am, nguyên họ Lý, lánh húy triều nhà Trần đổi là Nguyễn (tị Trần - triều húy cải Nguyễn). Lúc mới yết vua Lê Thái-Tổ ở cung hành-tại, vua khen là

(xem tiếp trang 22)

# Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ Số 13

Ứng-hoè NGUYỄN VĂN-TỐ

XL

## Chung tình (1)

*Bài dẫn (bằng Hán-văn).* — Cứ theo nhẽ thường, giời có âm-dương, đủ để sinh hóa muôn vật. Người ta có vợ chồng, mới trở nên gia-đạo. Ngày nay nghe tiếng, thực là dịp may-mắn, nghĩ đến nghĩa cũ tình xưa, gặp lúc tiền không tái lạnh, làm bài thơ quốc âm đến mừng.

*Dây tơ bỗng khéo rắc thay là,*
*Mừng được duyên hài khách Tố-Nga.*
*Đệm thúy vui-vầy êm gối ngọc,*
*Chăn loan rộng-rãi kín giường ngà.*
*Lần-lần nguyệt sáng in vừng nguyệt,*
*Rờ-rỡ hoa đua nở cành hoa.*
*Đằm ấm khí xuân đam nhị ngọc,*
*Nên thay lân-chỉ tiếng xoang ca.*

(Trích dịch ở *Quốc-âm thi-ca tạp-lục*, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ, số A B 296).

XLI

## Tương tư khúc (2)

*Nỗi xa-xôi biết tả cùng ai ?*
*Thay lòng mượn bút tay bầy,*
*Chẳng thương xin chớ nỡ hoài làm chi.*
*Càng nghĩ nỗi biệt-li cách-trở,*
*Lò tưởng càng chất-chứa não-nùng.*
*Dám phiền lượng quảng bao dung,*
*Đoái thương chút nghĩa tương-phùng bấy lâu.*
*Có nhẽ đâu mua yêu rước dấu ?*
*Lọt diễn vời duyên giải-cấu duyên.*
*Chỉn vời diệu với Tần-quan,*
*Tiếng gà họ Mạnh ai toan giúp cùng ?*
*Vốn thủy-chung vẹn gồm một tiết,*
*Nghĩa tương-thân càng thiết thiết thay !*
*Cân đâu xiết nỗi chua cay,*
*Tấc niềm ai kẻ thấu hay đấy là ?*
*Dặm tuy xa mấy trùng non nước.*
*Lòng dẫu gần gang tấc mới cam.*
*Một giời hai sở bắc nam,*
*Bao giờ gặp hội Cầu-lam thế nào.*
*Có nhẽ nào ép yêu nài dấu ?*
*Kiếp thì duyên, xin thấu đấy cho.*
*Nguồn cơn ít kẻ nhỏ to,*
*Ruột tằm bối-rối như vò đòi phen.*
*Bạn cùng đèn năm canh chong-chuốt,*
*Nỗi viễn hoài khát vọng kể nhiều.*
*Cắp sương đạp tuyết cũng liều,*
*Chỉn lo nghiêm-cẩn khôn chiều tiện thông,*
*Mượn cánh hồng gửi nhời trình lạy,*
*Có miễn tôi chút mầy nào chăng ?*
*Hay vui cảnh vật gió giăng ?*
*Đã đành lòng nhỉ, dám rằng làm sao.*
*Chốn động-đào hạnh-viên lan-sạ,*
*Luống phòng văn tầm-tã nhớ trông.*
*Nhời thông lòng chỉn khôn thông,*
*Sinh đồng xin lại tâm đồng mới cam.*
*Duyên cầu ngủ vầy hội long-vân.*
*Thay lòng phải dặm mấy vần,*
*Nghĩa nay ước vẹn Chu, Trần, kim-lan.*

(Trích ở *Quốc-âm thi-ca tạp-lục*).

XLII

## Vịnh bia văn miếu

(Thơ của Trịnh-Căn, 1682-1709)

*Bài dẫn (bằng Hán-văn).* — Thánh-nhân đạo nhớn đức rộng, khắc ở bia to, dùng để lâu dài. Ngày khánh thành ta lại đến, xem-xét quanh khắp, thấy thể chế ngay-ngắn, văn-chất hồn-toàn, trân-trọng nhường nào, ngâm thành một bài thơ quốc-âm.

*Đạo thống tường xem nhật nhật minh,*
*Vậy nên biểu lập trước trung-đình.*
*Tôn-nghiêm vốn có bề phương-chính,*
*Trân-trọng nào sai mực thản-bình.*
*Rộng chứa văn-chương hằng rỡ rỡ,*
*Tỏ-bầy đức-giáo hãy rành-rành,*
*Vững bền sáo-sáo đồng thiên địa,*
*Thấy đấy ai là chẳng ngưỡng thành.*

Trích ở *Ngự-đề Thiên-hòa doanh bách vịnh thi tập*, sách viết bằng chữ nôm của Bác-cổ, số A B 544, tờ 9 a).

---

## Báo mới

1) *Đông-Tây*, tuần báo văn-chương và mỹ thuật, do ông Quỳnh dao Đinh Nho Diệm chủ trương, tập mới đã ra đến số 3.

2) *Nam-kỳ*, tuần báo thông tin, do ông Nguyễn kim-Chi đứng chủ nhiệm, tuyên bố số đầu ra ngày 4 Janvier 1942.

Tri Tân xin thành thực chúc hai bạn đồng nghiệp đi trên đường ngôn luận với những bước hanh thản.

XLIII

**Văn-tế Huỵ quận-công**

Than ôi! đạo hiếu-trung là phận, miễn dự gian thần-tử thường-kinh, cơ họa-phúc bởi giời, chi khả luận anh-hùng thành-bại.

Nhớ ông xưa, nghiệp nối cơ-cầu, nhà truyền huân-phiệt; nghề thao-lược gác linh (3) đã sẵn, nối, Chu-đình nọ có Á-Phu, việc phiên-hàn bề học lại khơi, dòng Tào-thị nối danh Tử-Vĩ.

Chí hồ-thỉ rắp lăm le tứ sạ, nghiệp biên-thân toan kinh-lịch đôi đường; cầu Tần mây thẳm chín lần, ra tay sạ tước, cửa Vũ sóng đào ba đợt, rõ mặt đăng long

Một tiết trung-cần, hai triều cần-khác; trong cấm-vệ việc Hồ-Bôn chầu-chực, Định công càng nức tiếng Khương-Nha, ngoài biên-thành loài ô-thước tiễn-trừ, Thái-sử lại nổi danh Tiết-thị.

Chữ trung-hiếu hằng ghi một tiết, đuốc cao-thông soi thấu tấm lòng; ai Hoan-châu nấy việc tuần-tuyên, nhiều phen chịu tiếng nhăng thanh, tiết đại-thụ thấu trong Hán-điện, mặt nam-phương cầm quyền chế-ngự thét chốn Động-đình.

Trung-trinh hằng giữ đạo khôn lam, quyến-chú lại dự công sư tục; trong đài-các dự ngôi lục phủ, công-bằng cầm thẳng cân Chu, ngoài biên-thành lo việc bốn phương, phủ-ngự giữ bền khóa Tống; đạo quân-thần phải duyên cá nước, đường công-danh gặp hội rồng mây.

Thanh-cung vâng-mệnh bật-thừa, ký-thác bởi lòng trên khôn xiết, tử-các chịu nhời phụ-tá, tựu-tương nhưng dạ bé nọ đam; vừng thái-dương đành soi rượt lão-hoa, dòng thiếu-hải ắt rõ ngồi chấn-sưởng.

Xe yến-giá bỗng đau lòng Cơ-Đán, đền Chu áo cồn thuở triều trựa, quyền thác cô đành nặng sức A-hành, xe Bạc núi Đồng cơn buổi sớm; lòng ưu-ái những chăm xem quốc-sự, đất nguy-nghi nên mặc tiếng nhân-ngôn.

Trên chín lần bão dạng ấu-xung, đan tâm ra sức khuông-phù, nghĩ Thành-vương cũng có ngày lệnh đức, dưới trăm họ lưu ngôn đố-hoặc, xích-tích toan đường xa lánh, song Thiệu công khôn tìm kẻ thay quyền; lấy một mình hệ quốc an-nguy, dầu trăm tiếng mặc ai trấm-tố.

Ngôi bảo-tọa mới lòe gương tử-cực, phủ Tần-phiên phút dấy-dị-mưu, bút hoa-hàn chưa ráo mực long cao, cửa huyền-võ sẵy gây đại-biến; đồi-ba vững ngang dòng cột đá, long đông bền một tiết thông già.

Trần-kiều mây rợp lá cờ, lòng Hàn-tử khăng-khăng quốc-chủ, Thích-lí gió lay con mác, nghĩa Tử-Do khẩn-khẩn Vệ-quân; bảy thụ di ai nấy đồng tâm, một cô khôn cam bề tựu nghĩa.

Chữ đồng-ký hãy rành-rành trước mặt, trông vào thêm hổ kẻ đỉnh-chung, nhời di-ngôn còn văng-vẳng bên tai, nghe biết luống thẹn người lương-đống; khi thất thế phải chăng nào biện, lúc sa có thuận-nghịch khôn lường

Ngậm-ngùi thay một cửa hiếu-trung, cứu-việc nước dẫu nhà chi dám tiếc, đau-đớn nhỉ! hai đời tiết-nghĩa, bả ơn trên cho mệnh bạc phải liều; xét lòng cậy có tiên quân, vắng mặt nào khuây ấu-chúa.

Mặc kẻ vẽ rồng vẽ rắn, đã đành cồn-phủ bút xuân-thu, dù ai rằng ngựa rằng trâu, cậy có nghiên-suy vừng nhật-nguyệt.

(Trích ở quyển *Lệ-ngữ văn-tập* sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ, số A B 166, tờ 3 a-5 a).

*Còn nữa*

*Ứng-hòe* NGUYỄN-VĂN-TỐ

1) Những bài đăng kỳ này chưa ai in ra quốc-ngữ.

2) Bản sao của Bác-cổ đề là *Tương-ức khúc*. Chúng tôi đề theo bản của một người bạn. Có một vài chỗ sách Bác-cổ viết thiếu hay viết sai, chúng tôi phải theo bản riêng, nhưng bao giờ cũng dựa vào sách Bác-cổ để cho ai nấy có chữ gì nghi ngờ có thể đến mà xem xét lại.

3) Có bản viết là gác chuông.

MỚI IN LẦN THỨ HAI

**Số tử vi lập thành**

dạy lấy Số Tử-Vi không phải tính các sao, dạy cả cách đoán đã kinh-nghiệm

*của nhà lấy số tử-vi rất có tiếng là:*

**NGUYỄN-PHỨC-AM, chủ Thiên-Phúc-Đường** soạn

Giá bán 0p 60 Cước đảm bảo 0p 16. Gửi cho:

**hiệu sách ĐÔNG-TÂY, 195 hàng Bông Hanoi**

Sử-liệu sống

# ÔNG TRẦN TIỄN-THÀNH bị hại thế nào ?

NGÀY 17 juillet 1883 (quí-vị) đức Dực-tông hoàng - đế thăng - hà, triều - đình theo lời di chiếu, sau khi thỉnh ý-chỉ đức Từ - dụ hoàng thái-hậu, lập Dục-đức công là con nuôi ngài Dực-tông lên ngôi. Trần - tiễn - Thành, Nguyễn văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết cùng làm phụ-chánh.

Vừa mới lên ngôi được ba ngày, Dục-đức công liền bị Tường và Thuyết u tù một chỗ rồi giết đi. Hai ông Tường, Thuyết liền lập vua Hiệp-hòa lên kế vị ngày 21 Juillet 1883.

Lúc ấy, ngài còn ít tuổi, hai ông Nguyễn văn Tường, Tôn thất Thuyết đã có lòng tiếm quyền, lại thấy quan phụ-chánh Trần tiễn-Thành, đầu hàng văn quan không về phe mình, nên định cách hại đi.

Vua Hiệp - hòa theo nhời khuyên của ông Trần tiễn Thành, thực lòng hợp tác với chính phủ Pháp để mưu sự thái bình cho dân cho nên thường có quan khách người Pháp và các giáo sĩ vào bệ kiến. Hai ông Tường, Thuyết thấy thế, lấy làm tức lắm. Cái ý phế lập đã có từ đấy mà hai ông quyền thần ấy qui tội cho Trần Tiễn-Thành. Ông Thành cũng biết vậy, nên ngoài những giờ triều hội, vẫn về ở biệt thự của ông ở bờ sông Hương, ít khi đi đâu ban đêm.

Một buổi về trung-tuần tháng tám (?), ông đang xem sách ở trên gác, thấy lính lên báo có quan Tướng (tức ông Thuyết) cho người đến mời.

Ông Thành sai người ra nói rằng: « đêm khuya nếu không có sự gì cần, xin để đến bữa mai. »

Liền khi ấy, người của ông Thuyết là Trương-đăng-Đệ (một thuyết là Ông Ích-Khiêm) đã vào đến sân, đứng dưới nói to lên rằng :

— Có lệnh quan Tướng cho mời quan Phụ-chánh vào triều có quân-quốc đại sự, hiện có thượng-phương kiếm đây !

Ông Thành biết có sự chẳng lành, từ trên gác giả nhời ra :

— Tôi già rồi, quan Tướng có điều gì dạy bảo tôi xin theo vào ngay.

Nói xong, ông vội lấy chiếc khăn nhiễu quấn, vừa quấn vừa xuống thang gác, xuống chưa hết bực thang thì sứ giả sấn đến, hoa kiếm chém quan phụ chánh, rụng đầu, vành khăn nhiễu chưa vấn hết sổ tung ra.

Cách đó ít lâu, ngày 30 Novembre 1883, vua Hiệp-hòa bị Tường, Thuyết phế và cùng năm ấy ngài bị thí.

TIÊN-ĐÀM

Thuật theo nhời một vị hoàng phái.

---

1) Ông Trần tiễn-Thành vốn tổ quán ở Bần-yên-nhân, Hưng-yên do cử-nhân xuất thân. Ngày nay con cháu ông đều lấy quán ở Thừa-thiên (Trung-kỳ), nhưng xem chuyện sau-đây thì biết ông là người Hưng yên: có một vị quan người làng Bạch sam (Mỹ-hào) được bổ vào kinh làm ngự-sử, đến thăm quan phụ chánh, thấy ngài hỏi ngay : « ông người Bạch-sam, vậy ngôi chùa và tháp làng Yên-nhân vẫn còn đấy chứ ? » Tương truyền ông Thành có cúng cả đồ tế khí cho làng ấy.

T.Đ.

*Mới xuất bản*

**MANUEL**
de
**CONVERSATION**
**en français et Annamite**
*của*
**MỄ DƯƠNG**
*Cựu giáo viên*

Sách dạy nói chuyện tiếng Pháp cốt dùng cho người Nam học nói chuyện tiếng Pháp hay những người ngoại quốc biết tiếng Pháp học nói truyện tiếng Nam

Đủ các câu cần biết của hầu khắp các nhân vật trong các giới

*Giá 0p.20, cước thường 0p 06 gửi bằng tem (cò) cũng được cho hiệu*
**ĐÔNG-TÂY**
*195, phố hàng Bông Hanoi*

# Tân-sở, một kinh-đô mới dưới triều vua Hàm-nghi

THÀNH TÂN-SỞ nay chỉ còn là miếng đất khô-khan. Dấu vết còn lờ-mờ và lởm-nhởm ít nhiều ngói gạch và 4 hàng móng biểu-hiệu cho một di-tích của thời-đại trước, nay đã điêu-tàn theo sức biến-cải của trào-lưu.

Chúng ta thử sống lại 50 năm về trước để cho biết thành Tân-sở kiến trúc thế nào, và cách dụng binh trong thời loạn.

Trước hết nên nhớ rằng Tân-sở mà có là do Nguyễn văn Tường. Ai cũng biết Tân-sở hồi đó là một trận tuyến làm hậu-thuẫn cho triều-đình Huế lúc gặp sự nguy. Chính Tường ra tay vẽ kiểu và ra công đốc suất để Tân-sở trở nên kiên cố, và làm lợi-khí chống giữ trong lúc nguy-ngập.

Theo mấy pho sử-ký hồi trước, mỗi lần có họa cấp-bức là mỗi lần triều-thần nghĩ đến chuyện thiên đô tị nạn.

Tôn-thất-Thuyết, người cầm vận-mệnh của nước Việt Nam giữa hồi nguy-biến, đã có nghĩ trước đến bước đường biến-cố, phải dời xã-tắc đi xa, nên Thuyết cho thiên đô ra Cam-lộ.

Tân-sở tức là kinh đô mới của ngày xưa, và nay chỉ còn là một đám đồng không mông quạnh. Tân-sở ở về huyện Cam-lộ thuộc sơn phận tỉnh Quảng-trị: núi non chằng-chịt, địa thế hiểm trở.

Hồi đó, triều-đình lấy Tân-sở làm nơi căn-cứ để tụ-tập binh mã và để trợ lực cho Nam quân lúc yếu thế. Trong mấy năm ròng, Nguyễn-văn-Tường ra công đốc thúc mấy ngàn phu đào hầm, đắp lũy, dựng kho, làm trại. Với Tân-sở, Nam quan cho là kiên-cố vững chãi, mà thật thế, chung-quanh Tân sở núi non bao-bọc, cây cỏ hoang vu, đường ra lối vào ngoắt-nghéo, nếu ai lạ, khó lần ra lối.

Sau ngày thất thủ kinh-thành, Thuyết đưa vua Hàm-nghi và Nam-quân ra Tân-sở lập binh bày trận. Nhưng trái lại, Tân-sở là trận tuyến tạm-thời không chịu đựng được bao lâu. Vì ít lương-thực, kém khí-giới, nên sau vài trận hỗn-chiến với đại-úy Bastide, Nam-quân theo Thuyết bỏ Tân-sở đi về phía Mai-lãnh sang Lào. Người Pháp tiến vào Tân-sở.

Bây giờ Tân-sở trở nên hoang-vu cô tịch. Một đám cỏ xanh bát ngát, chung quanh bao phủ bởi một bụi tre già dày đặc làm cho du-khách không còn nhận ra là Tân-sở nữa. Di-tích điêu-tàn còn rơi rớt lại là bốn hàng móng đá đã ghi dấu vết của một nền cũ chiếc cột cờ Việt-Nam.

ĐẠM-QUỐC-THANH

*Sang xuân sẽ khởi công in cuốn truyện dài rất giá trị*

**Bút nghiên**

của CHU-THIÊN

Một tập truyện của cả một thời xưa.

Một tập truyện mà gia-đình nào cũng cần phải có để hiểu cái hương vị của cổ nhân.

Mà ai ai cũng nên đọc để có một mối suy nghĩ độc lập và chính đang đối với một thời đại đã qua.

Một tập chuyện mà ở đấy nghệ-thuật và tài-liệu dung-hòa ăn nhập với nhau để đem lại cho người 400 trang một giá trị rất hiếm có.

*Co in thêm một loại sách đặc biệt dung riêng cho các vị nào có giấy đặt trước giá nhất định là 6p 00.*

Gửi thư về cho tác giả;

CHU-THIÊN ở tòa báo

## Giục bốc mộ tại trang Quỳnh-Lôi

Bản hội xin bá cáo để các mộ chủ biết cho rằng những mộ ký táng trong trang Hợp-Phúc ở Quỳnh-Lôi và bên khu Thề-Nhân đến đầu tháng ba tây Mars 1942 bản hội sẽ bốc cả đi và quy vào một chỗ.

Ai có những mộ để vào những khu sau này, xin bốc ngay đi:

*Ở trang Hợp-phúc Quỳnh-Lôi:*

Khu 1 chôn trẻ con còn 509 ngôi để từ ngày 10-9-35 đến 22-6-37

Khu 2 chôn người lớn còn 284 ngôi để từ ngày 12-9-35 đến 2-9-38

Khu « Thân » — d· — còn 469 — d· — 1er-6-34 «» 10-6-36

Khu « Nhâm » — d· — còn 221 — d· — 12-12-33 «» 22-6-35

Khu « Quý » — d· — còn 211 — d· — 24-6-33 «» 19-9-37

Khu «Tân» -d·- còn 5
Khu «Mậu» -d·- còn 14
Khu «Giáp Nhị»
} *Đã bốc mộ lần vào 1938 nay còn sót lại*

*2- Trang khu Thề-Nhân trước trang Hợp-Phúc:*

Khu Robin contagieux.
Khu Đình
} Các người chết ở nhà thương Vọng chôn từ ngày 17-11-37 đến 20-9-38

*Hội Hợp-Thiện kính cáo.*

TÙY HỨNG

## Đi thuyền

*Nằm trong thuyền, như nằm trong nôi,*
*Nước quanh thuyền nhè-nhẹ ru tôi.*
*Tâm hồn bình tĩnh, lòng êm-dịu,*
*Tôi mơ-màng nhìn trời xa xôi...*

*Thuyền đã cất bong, đã gác chèo,*
*Căng buồm lên ! để gió luồn theo.*
*Giao thuyền vô-định vào tay sóng,*
*Hưởng thú phiêu-lưu của cánh bèo*

*Như mãi đi trong chốn ảo-huyền.*
*Ngàn cây lá dây nhạc nguyên.*
*Sao như cát trắng, bờ sông trắng,*
*Trăng bạc cong cong, tựa chiếc thuyền.*

*Thuyền tôi trôi và thuyền trăng trôi,*
*Có hai cô lái ngủ đâu rồi.*
*Thuyền tôi không bến, trăng không bến,*
*E sẽ theo nhau, gặp cuối trời.*

BỬU-KẾ

## Vu quy cùng với vinh quy

(Cảnh ngày xưa)

*Phong đình bái-tạ, bước lên yên,*
*Trống giục, chiêng khua, ngựa ruổi liền ..*
*Cờ, biển vàng son khoe rực-rỡ,*
*Hoa quan phấp-phới vẻ trang nghiêm.*

*Đủng đỉnh theo sau chiếc võng đào:*
*Màn hoa buông kín, lọng che cao,*
*Quân dàn áo nẹp, nghênh-ngang bước,*
*Oai-vệ, tưng-bừng, lẫm-liệt sao !*

*Cẩm thượng thêm hoa rõ lúc này.*
*Trượng-phu phỉ chí hội rồng, mây.*
*Cổ lai phan quế do danh-phận*
*Gọi tỉnh người đời giấc mộng say !*

*Đắc chí tế-quân mỉm miệng cười,*
*Nhã-hoài lai-láng vẻ xuân tươi.*
*Bõ công tần-tảo khi khuya sớm,*
*Lấy chút thanh danh thỏa kiếp đời !*

THANH-SƠN

## Lăng tiêu hoa

Nguyên văn chữ hán

Hữu mộc danh lăng-tiêu,
Trac tú phi cô tiêu.
Ngẫu y nhất châu mộc,
Toại trừu bách xích điều.
Thác căn phụ thụ thân,
Khai hoa ký thu tiêu.
Tư vị đắc kỳ thế,
Vô nhân hữu động dao.
Nhất đán thu tồi đảo,
Độc lập tam phiêu dao.
Tật phong tùng đông khởi,
Suy chiết bất chung triêu.
Triêu vi phất vân hoa,
Mô vi ủy địa tiều.
Ký ngữ lập thân giả :
Vật học nhu nhược m'êu.

BẠCH CƯ DỊ

*Có thứ cây lăng-tiêu,*
*Giây leo, khoe mỹ miều.*
*May gặp nhờ cây lớn,*
*Vươn cành trăm thước cao.*
*Rễ bám nhờ thân cứng,*
*Hoa nở gửi cành đầu.*
*Tự cho mình đắc thế,*
*Đu cành ai biết đâu !*
*Một sớm cây lớn đổ,*
*Riêng mình tạm phiêu-dao.*
*Gió mạnh từ đông thổi,*
*Cành gẫy chẳng bao lâu.*
*Sớm, hoa còn mây lướt ;*
*Chiều, củi đất tiêu-điều.*
*Nhắn ai người lập chí :*
*Đừng học giống hoa leo !*

TÂM-HƯƠNG dịch

Trả lời ông Nguyễn Tiến-Lãng

# Chỉ tại hai câu phong-dao

Hoa-Bằng

TÌNH-cờ cầm tờ «*La Patrie Annamite*» số 423 ra ngày 1er Décembre 1941, thấy có bài của ông Nguyễn Tiến-Lãng ở « trang văn-chương », có nêu cái phụ đề là *một cái « lầm » của Tri Tân (une erreur de Tri-Tân)*, tôi đọc « cóc nhảy » để xem ngay chỗ ông nói về Tri-Tân ra sao. Ngỡ gì ! Té ra ông Lãng cho rằng tôi «lầm», là vì trong bài *Phong-dao chia loại và giải nghĩa*, số 3 (T.T. số 15, trang 12 13), tôi đã kể hai câu sau này là phong-dao mà ông thấy ở « *Khối tình con* » quyển thứ nhất, in năm 1916 của thi-sĩ Tản Đà Nguyễn Khắc-Hiếu:

*Chồng người xe, ngựa, người yêu;*
*Chồng em, khố dãi, em chiều, em thương.*

●

Quanh trong Tri-Tân, chúng tôi có mở ra mục « Văn hành công khí », có ý cho cái cân văn-chương là thứ đồ công-bình công-cộng, ai cũng có quyền bắc lên đó mà cân : nặng, nhẹ thế nào, cái cân không dối ai cả.

Tiếc rằng ông Lãng, trước khi viết bài ấy, chưa chịu xét kỹ. Tôi tưởng những lẽ sau này đủ trả lời ông.

●

Hai câu đó, từ ngày còn bé, tôi đã được nghe thấy nhiều cụ lão-nho túc-học nói đến rồi, nghĩa là nó đã truyền tụng trong dân-gian từ khi chưa «đẻ» cuốn *Khối Tình Con*. Đến bây giờ tôi viết lên Tri-Tân, cũng là nhớ dai từ ngày còn nhỏ ấy.

Nay thấy ông Lãng nói là của ông Tản-Đà, tôi mới cố kiếm cho kỳ lược K.T.C. cuốn thứ nhất (xin thú thực : trước đó, tôi chưa hề đọc đến cuốn này) để xem. Thì ra, trong bài «*Hát tạp*» chua bên là « *lối phong-rao* » từ trang 31 đến trang 36, cũng có hai câu ấy.

Một sự rất dễ biết : thi-sĩ Tản-Đà đã «lấy» phong-dao như lối người ta thường «lấy» Kiều mà bỏ quên hai dấu ngoặc kép.

Ông Lãng chắc sẽ ngạc-nhiên ? Hãy khoan ! xin ông cứ đọc hết cả bài « *Hát tạp* » ấy đi !

Đến câu « *con cò lặn lội bờ sông* » (tr. 32), thi-sĩ cũng «lấy» phong-dao mà không đánh hai cái ngoặc kép.

Ông Lãng lại sẽ sửng-sốt ? Khoan đã ! Nội người Nam-việt, ai còn không nhớ đó là phong-dao :

*«Con cò lặn-lội bờ sông,*
*«Gánh gạo đưa chồng, nước mắt nỉ non »...*

Chưa hết ! *K. T. C.*, trang 35, vẫn bài ấy, tác giả còn « lấy » phong dao nữa :

*« Cô kia đen thủi đen thui,*
*« Phấn đồ vô hồi... »*

Còn bốn chữ cuối ? Tác giả đổi lại là « *... cái má vẫn đen* ». Mà phong dao thì « *... đen vẫn hoàn đen* ». (Hai câu phong dao này có in trong *Tứ dân văn uyển*, số 18 ra ngày 15 mars 1936, trang 36. Trong *K. T. C.* nói là « *phấn đồ* », trong *T. D. V. U.* nói là « *phấn đánh ..* »)

Không những vậy, đến ngay « lấy » Kiều, tác-giả K.T.C. cũng không đánh hai dấu ngoặc kép. Vì ngay dưới câu « *Con cò lặn lội bờ sông* », tác-giả hạ luôn đến câu Kiều lấy :

*« Ngày xanh mòn mỏi, má hồng phôi pha ».*

Trưng ra như thế, tôi chỉ có ý tỏ rằng trong đám nho học viết quốc văn lớp trước phần nhiều không chú-trọng đến lối tiêu-điểm, nên dễ khiến người đọc nhận lầm những câu trích dẫn phong-dao hay truyện cổ ở trong một bài, chẳng hạn như trường-hợp nói trên, là của một tác-giả làm ra cả.

Không nhận kỹ những chỗ đó, nên ông Lãng mới vội cho hai câu « *chồng người...* » như tôi đã dẫn trong T. T là của thi-sĩ Tản-Đà.

Nếu cứ như vậy, thì khi tôi dẫn đến câu « *Con cò lặn lội bờ sông ..* » hay câu « *Cô kia đen thủi đen thui...* », chắc ông Lãng lại sẽ hăm-hở lớn tiếng :

— Phải công bằng trả lại cho Tản-Đà tiên-sinh !

— Một *cái lầm* của Tri-Tân !

— Một cái *lầm lớn* của Tri-Tân !

Hoặc đến lần khác, tôi dẫn hay viết một câu Kiều lấy :

*«Ngày xanh mòn mỏi, má hồng phôi pha... »*

Có lẽ ông Lãng sẽ lại dõng-dạc lên tiếng :

— Phải công bằng trả lại cho Nguyễn Khắc-Hiếu tiên-sinh !

—Vì câu ấy chẳng sờ-sờ ở trong *K T. C.* quyển thứ nhất, trang 32 là gì kia ? Sao lại nhận là câu Kiều được ?

— Hoa-Bằng ! trước khi kể đến một câu Kiều, phải xét kỹ cái nguồn gốc của nó đã chứ !

Xin ông Lãng đừng quá vội. Tôi vẫn trả lại phong-dao cho phong-dao đấy mà.

Phải, nay hãy giả định hai câu « *chồng người...* » ấy là của thi-sĩ Tản-Đà.

Một bữa, tôi đi qua cánh đồng lúa, nghe thấy từ xa văng vẳng đưa lại hai câu :

« *Chồng người xe, ngựa, người yêu :*
« *Chồng em, khố đũi, em chiều, em thương* ».

Hai câu đó người ta hát trong khi đang cấy lúa hoặc cắt cỏ, chăn trâu.

Khi cầm bút viết bài « *Phong-dao chia loại và giải nghĩa* », tôi có thể cứ kể hai câu ấy là phong-dao, mặc dầu thi-sĩ Tản-Đa hay ai là tác-giả nó.

Vì sao ? Vì phong-dao chỉ là những câu ca hát biểu-lộ được tâm-tình chung của dân-chúng, bày-tỏ được những trạng-thái của phong-tục. Một khi câu ca bài hát của ông hay của tôi nếu đã phổ-cập ở nơi dân-dã thì đó là phong-dao chứ gì ?

Trong kinh Thi có cắt nghĩa rằng : « *Phong giả dân tục ca-dao chi thi dã* » (Phong là thơ của dân-tục ca-dao). Và : « *Phàm thi chi sở vị Phong giả đa xuất ư lý-hạng ca-dao chi tác. Sở vị nam nữ tương dữ vịnh ca, các ngôn kỳ tình giả dã* ». (Phàm những thơ mà gọi là Phong phần nhiều đều là những bài ca-dao phát ra ở nơi làng quê, ngõ xóm, tức gọi là những câu nam nữ cùng nhau ngâm hát, ai nấy bày tỏ cái tình của mình).

Cho nên, khi san kinh Thi, đức Khổng-tử lựa được 25 thiên Chính-phong (Chu-nam — Thiệu-nam) và 135 thiên Biến-phong (13 nước từ Bội đến Mân), nhưng không nhất nhất nêu thiên kia là của ai hay ai là tác giả thiên này, mặc dầu bấy nhiêu thiên Phong ấy vẫn có tác-giả hoặc có tên hoặc không biết tên.

Phong-dao của ta cũng vậy. Hết thảy đều có tác-giả, chẳng qua truyền-tụng lâu ngày, phổ-thông khắp đồng nội đến núi rừng, người ta chỉ kể nó là phong-dao, chứ không cần biết câu ấy là của ông Giáp hay của ông Ất.

Cái đó là thường. Biết bao câu trong những sách như *l'Ecclésiaste* chẳng hạn, vẫn có tên tác-giả hẳn-hoi, nhưng nay đã hóa ra cách-ngôn pháp. Nhiều câu thơ của Boileau đã thành ngạn-ngữ tây.

Chung cái lệ ấy, ta đáng nên lấy làm vinh-dự khi thấy hai câu « *Chồng người ...* » ấy nếu quả thực là của tác-giả *K. T. C.* mà nay đã thành ra phong-dao phổ-cập.

Ta cũng đừng tưởng chỉ riêng hai câu ấy (giả-định là của Tản-Đà) mới có hân-hạnh được trở nên phong-dao đâu, chính cũng còn có ít nhiều câu của nam nữ vô danh ứng khẩu trong khi hát trống quân hay hát đúm dần dần cũng « nhập tịch » trong « làng » phong-dao rồi. Mà tác-giả mấy câu nat ấy có lẽ chỉ là vài người ở vùng Thanh-oai hay Tiên-du đã cùng nhau ca-hát dưới tơ tăng từ năm xưa đó.

Để kết luận, tôi xin tóm lại những ý trên :

1) Hai câu đó, không thể vì thấy có in trong cuốn *K. T. C.* mà vội cho là của Thi-sĩ Tản-Đà, một vì trước năm 1916, nhiều cụ lão-nho đã truyền tụng hai câu ấy rồi, hai vì những chứng cớ trong bài « Hát tạp » ở cuốn *K. T. C.* ấy đủ tỏ rằng thi-sĩ Tản-Đà thỉnh-thoảng có xen Kiều lẫy hoặc phong-dao lẫy vào bài của mình. Như thế sao nói là Tri-Tân « lầm » được ?

2) Hai câu đó, giả-định là của tác-giả *K. T. C.* đi nữa, nhưng một khi đã truyền rộng thành câu hát phổ-thông giữa vòng dân-chúng rồi, thì cũng có thể kể là phong-dao lắm chứ ! Như vậy sao gọi là cái « lầm to » được ?

3) Khi nhắc đến hai câu ấy, tôi chỉ xếp nó vào loại phong-dao, chứ có nhận nó làm của tôi hay đem nó mà gán cho ông X. hoặc bà T đâu. Nếu quả thật là của Tản-Đà, mà chính thi-sĩ họ Nguyễn cũng chưa rõ ở bên cái đầu bài « Hát tạp » rằng « lối phong-rao » (K. T. C. cuốn thứ nhất, trang 31), thì nay dù có kể nó là phong-dao, há phải là mọi cái « lầm quan-trọng » ?

Cái chi có thật của Đức Chúa Trời hãy nên trả lại cho Đức Chúa Trời ; cái chi có thật của César hãy nên trả lại cho César ; thế mới công bằng.

Vậy, ai lầm ? Xin nhường quyền các bạn độc giả thẩm định.

HOA-BẰNG

---

— Dân chúng Việt-nam đã hiểu biết sự hy-sinh tối cao của Thống-chế đối với Tổ quốc, và lại càng tin tưởng đến quốc vận vĩnh-viễn của Đại-Pháp. Dân chúng Việt-nam đã nghe lời tuyên ngôn của vị Quốc-trưởng đáng kính, đáng trọng và sẽ hành-động theo đúng những sự chỉ giáo của Thống-chế

Hoàng-đế BẢO-ĐẠI

THỬ VIẾT

# VIỆT-NAM VĂN-HỌC SỬ

HOA-BANG

### TIẾT MƯỜI

*ĐÀM-KHÍ (1019-1088)*

ĐÀM-KHÍ, đó là tên và họ ông Ngộ-Ấn thiền-sư. Hồi 10 tuổi, khi còn là một cậu học trò nhỏ : học hành tấn tới, lại giỏi về lối chữ Phạm (sanscrit).

Kể từ năm 19 tuổi, ông xuất gia, giữ « giới » và « định » theo phương-pháp nhà thiền. Về mặt kinh *Viên-giác* và kinh *Pháp-hoa*, ông nghiên cứu tinh thông lắm. Sau khi được tâm ấn của sư Quảng-Trí ở chùa Quán-đỉnh, ông kết lều tranh, tu ở núi Ninh-sơn thuộc phủ Ứng-thiên.

Để cắt nghĩa về « vô-thượng pháp-vương », ông có nói : « Ở thân, là Phật ; ở miệng, là pháp ; ở tâm, là thiền. Dầu chia làm ba bậc, nhưng rốt lại chỉ là một thôi. Ví như con sông chia làm ba chi : mỗi chi mỗi tên một khác, song chất nước sông thì vẫn giống nhau.»

Coi vậy đủ biết ông là người hiểu sâu Phật-học, chắc có nhiều phương tiện dẫn người vào cửa triết-học cao thâm.

*Hư vô mầu-nhiệm lẽ khôn dò !*
*Lòng ngộ, dễ hiểu lẽ hư-vô.*
*Ngọc chạy trên non, mau vẫn nổi ;*
*Sen sinh trong lửa, nhựa chưa khô...*
(Dịch)

Đó là bài ông làm trước khi vĩnh biệt môn-đồ nhằm ngày 14, tháng 6, năm Quảng-hựu thứ 4 (1088) đời vua Lý Nhân-Tông. Thọ 69 tuổi. Ông người thôn An-lý, làng Kim bài, (1) xứng đáng với cái danh-hiệu bấy lâu dân chúng vẫn tôn tặng bà: « Quán-âm nữ ».

Vốn mộ Phật, lại biết hỏi những điều chưa hiểu hoặc còn ngờ, bà dần dần bước sâu vào nơi tam-muội (chỗ sâu-nhiệm huyền-diệu) của Phật-giáo.

Vì lòng tín-ngưỡng quá sâu, chính bà đã đứng lam đến hơn một trăm nóc chùa. Cũng chính bà đã hiệp ý với vua Lý Nhân, cho đón sư Mãn-Giác vào trụ ở một ngôi chùa bên cung Cảnh-hưng để tiện hỏi đạo.

Ngày 15, tháng 2, năm Hội-phong thứ 5 (1096), bà thân đến chùa Phổ-minh ở Từ-liêm, hỏi Thông-Biện thiền-sư về nhiều điều trong Phật-giới. Nhờ đó, bà có sở đắc.

Khi đã ngộ đạo, bà có làm mấy câu này để tỏ cái bước tan-tới của mình :

*Sắc là không, không tức sắc ;*
*Không là sắc, sắc tức không.*
*Sắc ? Không ? Thôi mặc cá,*
*Mới thâu được chân tông.*
(Dịch).

Bài này mộc-mạc, không son phấn, nhưng tỏ ra là người có học lực cao sâu mới ngộ được Phật-học là một môn cao xa, sâu sắc như vậy.

Bà mất ngày 25 tháng 7, năm Hội-tường đại-khánh thứ 8 (1117). Qua tháng 8 năm đó, nhà nước làm lễ hỏa táng, rồi ninh-lăng tại Thọ-lăng phủ Thiên-đức.

### TIẾT MƯỜI MỘT

*BÀ Ỷ-LAN (? — 1117)*

Sau bà Ngọc-Kiều, trên trang văn-học sử đời Lý, ta lại được hân-hạnh ghi tên một bậc nữ lưu.

Đó là ai ? Bà Ỷ-Lan, phong hiệu là Linh-Nhân (1073), thụy hiệu là Phù-thánh Linh-nhân (2) hoàng thái-hậu (1117), vợ vua Lý Thánh-Tông và là mẹ vua Lý Nhân-Tông.

Bà là người tinh thâm Phật học, có tài kinh-luân, nhưng vì lòng ghen ghét một lúc, bà đã làm cho Dương thái-hậu (vợ cả vua Lý Thánh-Tông) và 76 người thị-nữ phải chết oan (tức vụ Thượng-dương cung xảy ra năm 1073).

Niên hiệu Thiên-chúc bảo-tượng thứ hai, 1069, trong khi vua Lý Thánh Tông đi đánh Chiêm-thành, bà lấy tư cách một người nguyên phi, giúp việc nội trị, làm cho dân hòa hiệp, nước yên-ổn, khiến vua Lý Thánh dấy lại lòng hăng-hái, đốt thêm lửa nhiệt thanh, quay vào lần nữa, kỳ hai cho được đóa hoa chiến thắng tốt tươi (3). Đó là nhờ ảnh hưởng tốt của bà, khách anh-hùng lam nên sự nghiệp.

Năm Quảng-hựu nguyên niên, 1085, bà đi chơi khắp nơi danh thắng non sông, ngắm nghía bức tranh hoa gấm thái-bình treo vững dưới trời Đại-Việt.

Năm Quảng-hựu thứ ba, 1087, mùa xuân, bà bỏ tiền trong nội-phủ ra chuộc những con gái nhà nghèo phải đi ở đợ, rồi gả cho những người góa vợ. Tấm lòng nhân-từ đó thật

### TIẾT MƯỜI HAI

*DƯƠNG KHỔNG-LỘ (? — 1118)*

Bỏ chài lưới là nghề-nghiệp thế truyền của ông cha, Khổng-Lộ, người Hải-thanh, xoay theo học Thiền, trụ-trì ở chùa Hạ-trạch.

Không hề cầu cạnh chút gì với đời, ông chỉ chăm tu thiền định. Ăn mặc thế nào cũng xong (4), ông hi-sinh trọn-vẹn về phần vật-chất, miễn sao giữ được cái tinh thần tự tại tiêu-dao.

Ông thích cái thú quê-mùa, do đó ông kiếm lấy cái vui tiêu-sái, thanh-tao, điềm-đạm. Trên những ngọn núi cao, đẹp, vắng-vẻ, ông thường thơ-thẩn một mình, buông hồn theo gió, trăng, mây, khói. Trước con mắt người đời bấy giờ, ông là một nhân-vật than-bí, kỳ-quặc, không mấy ai lường biết được.

Ngày mồng 3, tháng 6, năm Hội-tường đại-khánh thứ mười 1119, đời vua Lý Nhân-Tông, ông mất. Người ta chỉ kiếm được một bài « Ngôn hoài » là tiêu-biểu cho hồn thơ của ông :

*Nhà lựa làm trên đất rắn rồng,*
*Suốt ngày mải-miết thú quê đồng !*
*Có khi lên ngọn non côi ngất :*
*Một tiếng dài kêu lạnh khoảng không...* (Dịch).

### TIẾT MƯỜI BA

*LÝ NHÂN-TÔNG (1064-1127)*

Nói đến vua Lý Nhân-Tông, húy kiền-Đức, ai cũng phải cảm động trước đức-tính nhân-từ, tiết-kiệm, khoáng-đạt và phải kính phục trước sự-nghiệp oanh-liệt phi thường của ngài.

Nối đời thịnh-trị của vua cha Thánh-Tông, ngài thêu thêm những nét « sùng văn, chấn võ » vào bức tranh gấm vóc non sông cho ngày càng huy-hoàng, sán-lạn.

Như trước đã nói, ngài là một vị hoàng-đế anh-hùng có dày công trong cuộc kiến-thiết văn-học : Lập Quốc-tử-giám, (1076), bồ văn thần vào làm việc ở đó. Tổ-chức Hàn-lâm viện (1086), để sung vào đấy những người văn-học đã được lựa-chọn bằng một kỳ thi. (5) Đặt kỳ thi lại-viên, chương-trình thi có viết chữ, làm tính và hỏi về hình luật.

Song, có việc quan-trọng này cần phải nhắc lại để danh dấu đặc-biệt vào trang văn-học sử : *Mở khoa thi cho nhà nho.*

Các triều-đại trước — từ đời vua Đinh Tiên-Hoàng đến đời vua Lý Thánh-Tông — khuynh-hướng hẳn về mặt Phạp-học ; ai có tài-bộ tới đâu cũng phải do đường thiền mà ra cả. Nay, vua Lý Nhân mở khoa thi « minh-kinh, bác-học » (1075) : ai vào lọt ba kỳ thì được đỗ. Đó là vô tình gieo vào Phật-giới một cái mầm phản động ! Vì người ta đã nhờ khoa-cử làm cái thang mây, lẽ tất nhiên không cần đến Phật-học là một phương thuốc tu luyện thân tâm nữa. Quả nhiên đến trần, mấy bậc danh nho, như Phạm-sư-Mạnh, Trương-hán-Siêu... đều hùa nhau bài Phật ! Thế là từ đó, phái nho đã mạnh thế lực, dần dần nhảy lên địa vị độc-tôn ở nước ta.

Ngoài mặt văn-trị như trên đã kể, vua Lý Nhân đáng được liệt vào bậc nhất trên đài kỷ-niệm võ công : Gióng trống, mở cờ, đường hoàng sai tướng sĩ sang kể tội mà đánh nhà Tống bên Tàu, rồi hát khúc khải-ca với giọng đại thắng. Đó còn chưa kể những việc hoặc thân chinh động Ma-sa hoặc sai tướng đi đánh Chiêm-thành là khác.

Đối với Phật-giáo, ngài là một tín-đồ nhiệt-thành mộ-đạo. Thường lui tới với các vị cao tăng, tắm gội trong tư tưởng bình-đẳng, bác-ái, hi-sinh, ngài nhìn nhân-sinh-quan bằng con mắt tiêu-cực.

*Còn nữa*

---

1) Thuộc huyện Thanh-oai tỉnh Hà-đông.

2) Trong sách « *Thiền-uyển tập anh* » nói là Phù thánh Cảm-linh nhân hoàng thái-hậu.

3) Trận nay Lý-Thánh bắt được Cuê-Củ, chúa Chàm, luôn với 5 vạn quân chúng Chiêm-thành. Lần đầu đánh mãi không hạ được, vua ngã lòng, kéo quân trở về. Khi đến Cư-liên châu, nghe tin bà Y-Lan trị nước có kết quả tốt, ngài nói : « Nàng là một người đàn bà còn làm được như vậy ; ta đây tài trai sao xoang thế này ! » Thế rồi, ngài lại tiến quân, kết quả được thắng. Sử ký bản kỷ, quyển 3 tờ 6 b-7a.

4) Trong sách « *Thiền Uyển Tập Anh* » nói ông « ăn cỏ, mặc cây », ý nói lấy tàu cỏ làm đồ mặc, trái cây làm đồ ăn.

5) Kỳ thi tuyển người vào Hàn-lâm này, Mạc-hiển-Tích đỗ đầu, được bổ làm học-sĩ.

**Thời-đàm**

# QUẦN ĐẢO BORNÉO

*NHẬT-NHAM*

BORNÉO là một quần-đảo miền nam Thái-bình-dương, một cù-lao to thứ nhì thế-giới, sau Úc-đại-Lợi.

Địa-thế rộng 635 nghìn cây số vuông với 175 vạn người, Bornéo rất giàu về kim-khí, than đá, kim-cương và dầu-hỏa.

Trên quần-đảo Bornéo, còn nhiều di-tích cổ-tự Ấn-độ là những dấu-vết một thời-đại đô-hộ của người Ấn-độ.

Năm 1511, sau khi chiếm được đoi đất Mã-lai, tướng Bồ-đào-nha Alphonse d'Albuquerque cho ba chiếc hải-thuyền đi thám-hiểm về miền đông. Viên thuyền-trưởng Antonio d Abren tìm được miền duyên-hải Bornéo, nhưng không lập căn-cứ gì trên quần-đảo.

Sau khi nhà thám-hiểm Magellan bị ám-sát tại Phi-luật-tân, những bạn đồng-hành là người Tây-ban-nha chạy đến Brunei miền duyên-hải phía tây-bắc Bornéo, và giao-thiệp với thổ-dân trên đảo (1522).

Kế đến người Bồ-đào-nha di-cư đến đảo lập một vài cơ-quan cần-thiết.

Rồi năm 1580 một vị đảo-trưởng bị truất ngôi cầu cứu người Tây-ban-nha tới giúp việc khôi-phục.

Theo nhời hiệu-triệu, quân Tây ban-nha tới Bornéo, rồi năm 1584, bình xong cuộc nội-biến, nhưng không lấy một tấc đất nào trên quần-đảo.

Năm 1604, người Hà-lan tới Bornéo lập một căn-cứ và đến năm 1608 đặt một đại-sứ tại đó.

Người Anh-cát-lợi bắt đầu di-cư đến Bornéo từ 1609, rồi năm 1698, đặt một cơ-quan rất trọng-yếu tại Banjermanie. Nhưng đến năm 1733, người Hà-lan được đảo-trưởng ủng-hộ, nắm hết độc-quyền thương-mại trên đảo, bèn đuổi hết kiều-dân Anh ra ngoài đất Bornéo.

Tuy vậy, đến năm 1759, người Anh lại di-cư đến miền bắc quần-đảo và năm 1774; ký với đảo-trưởng xứ Brunei một hợp-ước công-nhận cho người Anh được lập-nghiệp tại Bornéo.

Năm 1809, thổ dân họp từng đoàn giặc bể đi cướp phá các đảo, nên người Hà-lan bỏ hết các sản-nghiệp, về nước.

Viên Toàn-quyền xứ Java khi đó là người Anh, sir Raffles cho sứ đến Bangjermanie điều-đình với đảo-trưởng một hiệp-ước có nhiều quyền-lợi và tình-nguyện để người Anh đứng lên dẹp yên các đảng-khấu. Sau đó, một cơ-quan của Anh thành-lập tại Pontanack.

Năm 1816, người Hà-lan kháng nghị tại java! Sau một cuộc điều-đình rất thỏa-thuận, người Hà-lan dần dần lại đặt nhiều cơ-quan thương-mại, sau khi giặc bể đã bình.

Người Anh chiếm được quân-cảng Tân-gia-ba, bèn liên-lạc với hai xứ Sarawak và Brunei.

Năm 1838, một người Anh là Sir jauses Brook được đảo-trưởng miền Brunei ủy cho cai-trị xứ Sarawak.

Năm 1847, đảo-trưởng cam-đoan không nhường một tấc đất nào cho người ngoại-quốc, trừ người Anh-cát-lợi. Chẳng bao-lâu, người Anh được hưởng nhiều đất-đai và Sir Brooke được thực-thụ chức chánh-sứ miền Sarawak.

Năm 1891, người Anh và Hà-Lan phân chia địa-giới. Nhưng thực ra, những miền ở trung-tâm quần-đảo vẫn gần như độc-lập.

Hiện-thời, Bornéo chia làm nhiều xứ: Brunei dưới quyền bảo-hộ người Anh; British North Bornéo Sabak gồm các địa-điểm thành-lập từ 1848, 1472, 1478, 1481. Sau một trận đánh nhau với một thủ-lĩnh tên là Mat Salek Sarawak, tất cả các miền trên hợp-nhất năm 1900 thành thuộc-quốc Anh.

Như trên đã nói, thuộc-quốc Bornéo là công-trình khai-sáng của người Anh Brooke, một viên sĩ-quan của công-ty Ấn-độ.

Năm 1839, viên thống-đốc miền Sarawak không dẹp yên được nội-loạn, phải cầu-cứu đến Brooke khi đó đóng quân ở Kutching. Trong vài tháng, Brooke bình xong giặc-giã được phong làm Chánh-sứ miền Sarawak một chức được công-nhận sau khi viên thống-đốc miền này tạ-thế. Xứ Sarawak tuy vẫn thuộc quyền đảo-trưởng ở Brunei, nhưng cũng nhường cho Brooke cai-trị, mỗi năm nộp 2500 bảng Anh.

Jauses Brooke mất năm 1868. Cháu là Charler Brooke kế chân rồi đến Charles Vyner là con Jauses Brooke nối nghiệp Charles Brooke

Sarawak vẫn do thổ-dân cai-trị dưới quyền kiểm-soát của các Chánh-sứ người Âu. Trên bộ có một đạo quân 300 người dưới quyền chỉ-huy một viên đại-úy và một viên đội người Âu. Dưới nước, có một đạo pháo-thuyền tuần-tiễu.

Từ 1888, người Anh mới đặt bảo-hộ trên xứ Sarawak.

Người Hà-lan ở rải-rác tại các miền tây, nam và đông hải-đảo Bornéo. Các miền này chia làm nhiều tỉnh. Kinh-thành Banjermasin ở miền nam có 5 vạn dân.

Dân đảo Bornéo rất thưa Trên đất Hà-lan có 115 vạn người (1000 người Âu, 3000 Á-râp và 4 vạn Tàu). Miền North Bornéo của Anh có 2 triệu người, Sarawak có 5 triệu và Brunei 2 vạn dân-cư.

Dân đảo Bornéo gồm giống Mã-lai ở miền duyên-hải, giống Dayak, Dusure và Mureet trong nội-địa. Ngoài ra Hoa-kiều cũng đông.

Người Dayak, tóc quăn, thực-thà, lười-biếng, nhưng tính-khí ngang-tàng, hiếu-chiến và hiếu-sát. Ngoài các khí-giới thường họ dùng cung tên tẩm thuốc độc và là những tay thiện sạ.

Còn các giống khác ở miền sơn-cước hãy còn mọi-rợ, sống về hoa quả cỏ và sinh-nhai bằng nghề săn-bắn các loài cầm, thú.

Trên đã nói quần-đảo Bornéo sản-xuất rất nhiều kim-khí và dầu-hỏa. Vì vậy, Nhật khởi-


## Việt-Nam dược-học

*Của ông Phó-đức-Thành trong bổ biên tập hội Y-học Trung-kỳ soạn*

Ông Phó đức-Thành, quản lý vĩnh viễn hội Y-Học Trung-kỳ, là một nhà chuyên khảo-cứu về thuốc Nam đã mấy chục năm nay, có lẽ đồng bào ta không mấy người là không biết tiếng.

Nay ông đem những sự kinh nghiệm viết ra bộ

## Việt-Nam dược-học

này thật là một sự ích lợi cho quốc-dân ta không phải là nhỏ vậy, nhất là lúc đương khan thuốc như lúc này.

Sách soạn theo phương pháp thực hành để phòng khi cấp cứu ai coi đó cũng có thể chữa được. Vả lại những cây mà ông nghiên-cứu toàn là những cây mà ta thường thấy giồng ở chung quanh mình ta cả.

Thật là một bộ sách cần thiết cho :

**mọi người và mọi gia-đình**

## Việt-Nam dược-học

In làm 12 cuốn dày trên dưới 2 000 trang. Mỗi tháng sẽ in ra một cuốn làm hai loại :

Loại giấy thường bán từ 0p 60 đến 1p 00

Loại đặc biệt thuần Dó bán từ 2p.00 đến 5p.00 tùy theo dày mỏng.

Cuốn thứ nhất (in lại lần thứ hai có sửa chữa và thêm nhiều điều thực nghiệm của độc giả) đến trung tuần tháng Décembre 1941 sẽ có bán, rồi cứ 40 ngày lại có cuốn sau. Khi bộ :

## Việt-Nam dược-học

in xong cả 12 cuốn sẽ đóng làm 4 tập và sẽ bán :

Loại giấy thường từ 10p.00 trở lên.

Loại đặc biệt thuần Dó từ 30p.00 trở lên.

**Mua trả tiền trước rất rẻ**

Những ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng Décembre 1941 thì phải trả có :

Bản giấy thường 6p.00 } và không phải
Bản thuần Dó 10p.00 } chịu cước gửi

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng Janvier 1942 thì phải trả có:

Bản giấy thường 7p.00 } và cũng không
Bản thuần Dó 12p.00 } phải chịu cước gửi

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng Février 1942 thì phải trả có:

Bản giấy thường 7p.00 } nhưng phải chịu cước
Bản thuần Dó 12.p00 } gửi mỗi cuốn 0p.16 tức là phải thêm 1p.92 nữa

Như vậy ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước ngày 31 Janvier 1942 được,

**lợi hơn 1p.92 tiền cước và 5p.00 sách tức là lợi hơn 6p.00**

về loại giấy thường **15p.00** về bản đặc-biệt thuần Dó

Ngài nào muốn mua thử một cuốn xin gửi .

Bản giấy thường 0p 80 } cả cước gửi
Bản thuần Dó 2p.00 }

Mua một bộ sách như bộ :

## Việt-Nam dược-học

để trong nhà, không những là các ngài đã nuôi được một ông lang giỏi mà thôi, nhưng chính là các ngài khuyến khích một người Việt-Nam đầu tiên đã chịu hy sinh quá nửa đời người để nghiên cứu về thuốc Nam vậy.

Thư và mandat mua sách xin gửi về cho :

**Nhà in MAI-LĨNH Hanoi**

Là nhà đã nhận xuất-bản các sách thuốc của hội Y-Học Trung-kỳ

**Thống-chế Pétain đã nói:**

Bước gian-nan cũng đã nhọc nhằn. Bao nhiêu dân Pháp trung thành đã chịu đựng một cách cao-thượng, đã giúp tôi gánh vác trọng trách.

Đối với tôi, thế chưa đủ. Tôi muốn các người phải có đức tin, tin trong cõi lòng, tin về lý trí. Tôi muốn các người phải khôn ngoan và nhẫn nhục.

chiến với Anh-Mỹ đã nghĩ ngay đến việc chiếm Bornéo của Anh để lấy những nguyên-liệu đủ cung cho một cuộc chiến-tranh lâu dài.

Sáng ngày 24 Décembre 1941, hải-quân Nhật đổ-bộ lên miền duyên-hải tây-nam Bornéo của Anh. San hai ngày kịch-chiến, Nhật chiếm được Kuching là Kinh-đô xứ Sarawak và trường bay rất quan-trọng của tỉnh ấy.

Nhiều cơ-quan không-quân bị phá-hủy trên các trường bay Bornéo của Anh.

Ngày 1er Janvier 1942, quân Anh phải rút khỏi miền Sarawak

Nhiều quân-đội Nhật tiếp-tục kéo đến Bornéo, đổ bộ lên lục-địa, chiếm xứ Brunei ngày 5 Janvier 1942 và hôm sau, chiếm cù-lao Labuan. Hiện nay, cuộc tấn-công đương tiến-hành.

Bornéo một khi lọt vào tay Nhật sẽ giúp Nhật nhiều nguyên-liệu để đánh Anh.

NHẬT-NHAM

Bản chí đã nhờ ông Nguyễn-văn-Tân đi cổ động ở vùng Sơn-tây, Hàđông và lân cận. Mong các bạn giúp ông Tân cho tròn phận sự, đa tạ. *T. T.*

# *Tin vắn hằng tuần*

## QUỐC-TẾ

Nhật đánh Nam-dương quần-đảo của Hà-lan. Cả đảo Tarakan ở Bornéo và thành-phố Menado ở quần-đảo Célèbes của Hà-lan đều chịu hàng Nhật.

Tân-gia-ba không ngày nào không bị ném bom. Quân Anh bị mất Kuala-Lumpur, nay rút xuống phía nam. Bị kém cả không-quân lẫn lục-quân, tình-hình quân Anh ở Mã-lai càng ngày càng nguy ngập. Có tin viện-binh Anh Mỹ đã lên đường sang Thái-bình-dương.

Đại-tướng Wavel đã nhận chức tổng-tư-lệnh quân đồng-minh ở Thái-bình-dương.

Hồng-quân tấn công 1 ngày tới bảy lượt vào mặt trận trung-ương nhưng bị đánh lui.

Ở Bắc-Phi, quân Đức-Ý vẫn chống cự ở Sollum, và đem không-quân công-kích liền liền vào đảo Malte. Các nước ở Mỹ-châu sẽ họp ngày 15 Janvier ở Rio-de-Janeiro để định thái-độ và chương-trình hành-động chung trước cuộc thế-giới chiến-tranh.

Diến-điện đang bị không-quân Nhật đánh rất dữ.

Tại Phi-luật-tân, quân-cảng Olongapo đã bị mất.

Có tin đồn có cuộc âm-mưu ám-sát Hitler, nhưng Đức cải-chính.

## ĐÔNG-DƯƠNG

Thành-phố Hanoi xin báo để các người ở các ngôi nhà tại các dia đường kể dưới đây biết rằng họ thuộc vào khu lập hầm trú ẩn riêng trong chương-trình phòng thủ thụ-động của thành-phố.

Các người ở trong nhà phải hoặc tự đào lấy hầm ở trong sân nhà, hoặc làm một cái nhà trú ẩn bằng gạch. Ai muốn hỏi điều gì nên viết giấy đến phòng lục-lộ của thành-phố, sẽ được chỉ dẫn một cách hoàn-bị.

Các đường thuộc vào khu lập hầm trú ẩn riêng là các phố:

Rollandes, Carreau (ở giữa Richaud và jauréguiberry)

Richaud (ở giữa Boulevard Borgnis Desbordes và Jean Soler)

Jean Soler, De la Prison. Paul Simoni. Rodier. Lambert. Gambetta (ở giữa Richaud và Rialan) Jauréguiberry. Doudard de Lagrée. Reinach (ở giữa Gia-long và Đồng-khánh) Vọng-đức. Sapèquerie. Dutreuil de Rhins (ở giữa Carreau và Doudard de Largrée) jacquin (ở giữa Doudarr de Lagrée và Laveran)

Đồng-Khánh (ở giữa Carreau và Doudard de Lagrée).

Route Huế (ở giữa Doudard de Lagrée và Riquier).

Gia-long và Jauréguiberry (ở giữa Carreau và jouhaux).

Có người thích thơ mới. Có người ghét thơ mới.
Thích hay ghét đều phải biết thơ mới.

**Hầu hết những bài thơ mới hay và những điều cần biết về phong-trào thơ mới và các nhà thơ mới (có ảnh và tiểu-sử các thi-sĩ)**

*Đều có trong quyển*

***THI-NHÂN VIỆT-NAM***

(1932-1941)

HOÀI-THANH và HOÀI-CHÂN soạn

**Sách dày 410 trang, in ảnh 36 thi-sĩ, giá 3$00**

*Hỏi các hàng sách hay viết thư cho:*

Mr NGUYỄN-ĐỨC-PHIÊN, Boîte postale 34 Huế

# LÝ CHIÊU-HOÀNG

(Kịch lịch-sử bằng thơ) Số 5

PHAN KHẮC-KHOAN viết

TRẦN THÁI-TÔN
Đã phai cả hình-dung người thuở trước ?

CHIÊU-THÁNH
Phai tất cả, không còn ghi mộng-ước,
Nơi Phật đường : cao tọa đức Như-Lai,
Lòng lâng-lâng không vướng lụy trần-ai.
Không vương nữa duyên-trần, duyên nhục-nhã :
Hồn đương khát Nát-bàn xa, cao cả...

TRẦN THÁI-TÔN
Trẫm đã từng nương-tựa chốn thiền-môn.
Nhưng khanh ơi,
Đôi ta vừa mười chín cái xuân non
Duyên trần-thế lòng tơ còn nặng nợ,

CHIÊU-THÁNH
Không, trần-thế chỉ là nơi lầm-lỡ.

TRẦN THÁI-TÔN
Nhưng dầu sao, khanh hỡi, buổi hôm nay,
Trẫm đã tìm len-lỏi tới nơi đây,
Mong giải tỏ một ít niềm tâm-sự.

CHIÊU-THÁNH
Xin nhắc lại : Tôi là một người tăng-lữ,

TRẦN THÁI-TÔN
Nhưng... Trẫm là.. Phu-tướng của.. sư-cô.

CHIÊU-THÁNH
Không, không, tôi van xin ngài chớ vội hồ-đồ !

TRẦN THÁI-TÔN
Song di tích còn kia nơi chiếc nhẫn.
*(Chỉ chiếc nhẫn ở tay Chiêu-Thánh)*

CHIÊU-THÁNH
Ồ, chiếc nhẫn ấy chỉ còn ghi mối hận.
*Nói một mình :*
Ta vô tình đeo mãi ở trong tay.
Thôi, phải vội-vàng lìa nốt buổi hôm nay.
*(Rút chiếc nhẫn đưa về phía Trần-Thái-Tôn mà vẫn không ngó qua)*
Xin gửi lại dâng lên hầu Thánh-thượng
Để ghi chút công ơn người Quốc-trượng.
Rồi xin ngài trở gót vội lui ra
Khỏi ưu-phiền cho mùi áo cà-sa.

◆

CẢNH VI

*Vẫn những người ấy thêm nữ-tỳ rồi Trần Thủ Độ*

NỮ-TỲ *(Hải-hước chạy vào)*
Tâu lệnh-bà có kẻ...

*(bỗng trông thấy Trần Thái-Tôn, ngơ-ngác nói một mình)*
Sao người ấy lại vào đây, ồ lạ nhỉ !
*(Rồi nói với Chiêu-Thánh)*
Bạch sư-cô,
Có quân binh đương đường-đột tiến lên chùa :
Một lão-tướng uy-nghi và dũng võ !

TRẦN-THÁI-TÔN
Chắc hẳn lại tên gian-thần Trần-Thủ-Độ
*(Rồi vội trông ra phía sau)*

CHIÊU-THÁNH
*(Hơi bối-rối)*
Than ôi, cây muốn lặng mà gió không ngừng.
Để bao phen rung-động cảnh muôn rừng.
Gió điên đảo, gió hung tàn, gió dữ.

RẦN-THỦ-ĐỘ
*(Vào, vẻ giận-dữ ; )*
Ai-ngờ chỗ thiền, nơi Phật-tự,
Mà Ni-cô đưa đón khách bên ngoài :
Làm chùa-triền, nơi nghênh tống vãng lai...

NỮ-TỲ *(Căm tức)*
Không ai được phạm danh người tín đạo,
Nơi cửa Phật không phải là nơi kiêu-ngạo !
Đây không như triều chính của vua Trần,
Nơi cương thường điên đảo với nhân-luân.
Đây là chỗ từ-bi và bác ái,
Đây là chỗ không còn ghê, sợ-hãi ! . . .

CHIÊU-THÁNH
Đây là nơi ngự tọa đức Như-Lai,
Đây là nơi xa lánh cõi thần-ai...

TRẦN THỦ-ĐỘ
Tâu lệnh-bà, tôi trót lỡ...

CHIÊU-THÁNH
Không không,
Tôi ngày nay đã bén nghĩa nâu sồng.

TRẦN THỦ-ĐỘ
Lệnh-bà chắc còn vương mùi tục lụy ?

CHIÊU-THÁNH
Tôi van ai, chớ tỏ lòng khinh thị !

TRẦN THỦ-ĐỘ
Nhưng này kia chiếc nhẫn của ngày xưa...
Lệnh-bà đương đeo mãi đến bây giờ.

CHIÊU-THÁNH
Là chiếc nhẫn mà tôi đã toan vứt bỏ,
Người đừng hỏi gì thêm, tôi chẳng rõ.

TRẦN THỦ-ĐỘ
Chắc lệnh-bà rõ đức Kiến-Trung (1) xưa
Khi bạn mai đà ngự giá thăm chùa ?

CHIÊU-THÁNH (*Rất bình-tĩnh và có vẻ rất từ-bi*)
Chùa thanh, mõ sớm, chuông khuya,
Một màu hương khói rời chia cảnh trần.
Lòng cao nhẹ áng phù vân :
Cành dương giọt nước tẩy trần muôn năm

TRẦN THỦ-ĐỘ
Muôn năm lìa rẽ duyên trần
Nhưng đừng mong rắp, tẩy trần cành dương !

CHIÊU-THÁNH
Trầm hương, trầm hương...
Khói huyền cao thấp, sầu thương thoảng dầu;
Không nhân duyên, chẳng nợ-nần
Nhân gian hiểm-độc, cõi trần oan khiên !

NỮ-TỲ
Cửa thiền non nước siêu-nhiên,
Cảnh ngoài phong cảnh, đời trên cõi đời.
Nơi đây riêng một khung trời,
Nơi đây riêng chỉ những lời tĩnh-kinh.

TRẦN-THỦ-ĐỘ
Song như còn thoảng hương tình,
Có người khi sáng thay hình qua đây.

CHIÊU-THÁNH
Kể từ về chốn am mây,
Không còn mong thấy dấu giầy trần-gian.

TRẦN THỦ ĐỘ
Tu-hành mà khéo khôn-ngoan,
Dấu giầy trang trải lại hoàn sân rêu.

(CHIÊU-THÁNH im lặng Thủ-Độ tiếp)
Hoa tuy cánh chửa về chiều.
Cũng đành cho nước thủy-triều chảy xuôi.

(CHIÊU-THÁNH vẫn im lặng Trần thủ Độ lại tiếp;)
Thân đã ra vậy thì thôi,

NỮ-TỲ
Người ơi, nhắc lại làm chi :
Hoàng vương thủa trước, tăng-ni bây giờ.
Cầm bằng mơ một lần mơ ;
Ván bài thay nọc, nước cờ đổi xe.
Hè sang rầu-rĩ thân ve,
Người còn mong tiết thu về nữa sao !
Hồ sinh ra phận má đào
Thà như hạt nước rơi vào ruộng sâu,
Thà như sông chảy không cầu,
Làm chi cất nhịp người sầu dở-dang.
Thà rằng chẳng có đò ngang ;
Đò qua vắng khách bẽ-bàng bến xưa.
Mênh-mông nước lặng gương mờ ;
Một giòng sông thẳm, hai bờ rẽ chia.
Thuyền duyên nổi bến xưa kia
Đã từng phụ khách, nên lìa từ đây
Đã đành nương chốn am mây,
Bụi trần khôn lẽ tuôn đầy cửa không !
Cây đà muốn lặng không rung,
Gió ơi, đừng thổi não-nùng cành non !

TRẦN-THỦ-ĐỘ
Thôi thì từ-giã thiền môn
Để cho chuông mõ vang dồn sớm khuya.
Nhưng. giòng sông quyết phân lìa :
Bờ xa hai ngả, bến chia đôi đường

(*Trần thủ-Độ đi ra Chiêu-Thánh vẫn lặng-im và huyền-bí*)

NỮ-TỲ
Xe duyên giờ đã « giây vàng »
Đưa duyên là chiếc « từ hàng » chảy mau.
Bồng-lai nào cuộc xa đâu !
Luân hồi kiếp ấy từ sau xin chừa.

CHIÊU-THÁNH (*như sực lại*)
Nơi đây một cảnh một chùa,
Ngày nay chuộc lại ngày xưa lỡ-lầm.
Khói hương quyện bóng trăng rằm :
Chứng minh : nguyện đức Quan-âm độ trì.

NỮ-TỲ
Từ-bi, độ thế từ-bi...
Buồn khi trút nhẹ, sầu khi lạnh tàn.

CHIÊU-THÁNH
Sương thời-gian,
Lệ trần-gian,
Nhân-sinh phù thế ngập tràn thương đau.
Mặt ghềnh bọt nước bao lâu,
Ngàn năm gió chở nặng sầu ngàn năm.
Hình-hài nặng khối trần tâm,
Cõi trần muôn gốc lỗi-lầm oan-khiên.

NỮ-TỲ
Tây thiên, về chốn tây thiên !
Là nơi cực-lạc, là miền bồng-lai.
Cửa thiền sạch dấu trần-ai,
Sớm khuya chuông mõ, hôm mai hương đèn.
Câu kinh, tiếng kệ khấn nguyền,
Mặc dầu mây khói mù đen cõi đời.

CHIÊU-THÁNH
Nhân-duyên thôi đã thôi rồi.
Đã lìa ân nghĩa, là xuôi nợ-nần.

(*Trần Thái-Tôn đi qua phía ngoài*)

NỮ TỲ
Nơi đây tháng rộng, ngày dài,

*Coi tiếp trang 20*

1) *Một niên-hiệu của Trần Thái-tôn từ 1225 đến 1231.*

# học thêm

CÂY-THÔNG

CHÚNG ta là một dân-tộc rất hiếu học và rất lo học. Nhiều người bảo thế.

Nhưng, có thể nói thêm được rằng chúng ta đã học-tập chỉ có mục-đích là mong giật lấy mảnh bằng dùng làm « cần câu cơm », dùng làm thang để leo tới một địa-vị khá khá trong xã-hội.

Sau khi đã nộp xong đơn ứng-thí, thôi thì ngày đêm người ta hết sức chuyên lo nhồi sọ sao cho được thật nhiều để trong vài ba buổi thi-cử, người ta chỉ rút ra dùng chừng độ có một phần nhỏ thôi.

Người hỏng thì sẽ thở dài : « Thật là công cốc ! » Còn người được đỗ sẽ sung-sướng vô ngần vì nhận thấy đã thoát hẳn được cái đời học-tập mà bước sang địa-vị một viên-chức. Rồi mặc cho cái món đã nhồi sọ kia tiêu-tán dần khi người ta đã cưới vợ, nuôi con, lập một gia-đình có cơ đứng vững với một số lương tháng tuần-tự lên cao...

Do đó, nên ở xã-hội ta hiện-thời, có một số anh em, dù đã thành thân, cứ sống ngày này sang tháng khác một cuộc đời bằng-phẳng lặng-lờ, không cần bận tâm biết đến những việc khác bên ngoài bốn bức tường nhà ở : mặc thiên-hạ sự, làm thinh trước những vấn-đề xã-hội, họ cho rằng đó không có gì dính-líu tới cuộc đời mình nữa. Đối với văn-chương, báo, sách, họ coi chúng như kẻ thù. Phải chăng chính vì chúng đã nhiều lần làm cho họ chịu điêu-linh vất-vả trong những năm còn cắp sách đến trường ?

Tất có người sẽ lớn tiếng mà bảo-chữa rằng ai tội gì mà mua chuốc lấy những việc không đâu, nhất là khi người ta đã có công ăn việc làm, nghĩa là khi đã nhàn thân yên phận ! Thì-giờ đâu ? Ai phải vạ mà học thêm, vì dẫu sao chăng nữa cũng chỉ đến ấm cật, no lòng !

Xin thưa : nếu ai cũng chỉ nghĩ như vậy, chẳng hóa ra ta chỉ khiến cho ta lúc nào cũng như chập-chờn ngái-ngủ. Và, lúc này phải đâu còn là lúc ta sống vì lòng vị kỷ, vì chủ-nghĩa cá-nhân ; lúc này chính là lúc ta cần phải học thêm mới mong giúp ích được cho người này người nọ.

Trong thuở hãy còn là một học-sinh, chúng ta hằng những ước-ao cái ngày đi tới tuổi trưởng-thành. Vì, ở cái thời-kỳ này, người ta đã có một bộ óc có thể xét-đoán, thâu-nhận được những điều hay, những sự bổ-ích một cách chắc-chắn hơn ; ở thời-kỳ này, người ta có thể học-tập được tự-nhiên hơn, không bị câu-thúc chật-hẹp.

Thì nay cái thời-kỳ đó đã đến với ta rồi. Chắc hẳn không vì một lẽ gì ta lại đổi thay nguyện-vọng xưa mà biếng-nhác hay ngại-ngùng trước trồng báo, sách, văn-chương !

Chúng ta thường đã thực-thà mà công nhận rằng người Âu-Tây họ nhiều chuyện. Xem ngay như hai người, tuy thường đã quen biết nhau, hễ thình-lình gặp nhau bất cứ ở một nơi nào, họ cũng vẫn trò chuyện với nhau được hàng giờ. Mà những chuyện của họ nói, thật là đậm-đà, nở-nang, liên-tiếp. Gia dĩ đến khi họ đã bắt tay nhau tiễn-biệt, họ cũng còn cười nói được mươi lăm phút nữa. Và, lúc quay gót, người nào cũng tỏ vẻ như luyến-tiếc sao cuộc gặp gỡ trôi mau...

Quay về phía người Nam chúng ta : vài ba người thường


## CÁC SÁCH NÊN ĐỌC

Tiếng Việt-Nam có mẹo mực, rất tinh tường, ai muốn biết rõ, thì xem sách : VIỆT-NAM VĂN-PHẠM của ông Trần-trọng-Kim (1).

Muốn biết rõ cách thờ cúng chư Phật và chư Bồ-tát, cùng cách bày đặt các tượng ở các chùa xứ Bắc-kỳ, nên đọc quyển PHẬT-LỤC của ông Trần-trọng-Kim. Giá 0p 80.

**de Hanoi à la Courtine**
*(Septembre 1939 — Juin 1940)*
của Phạm-duy-Khiêm Giá 1p.50
*Bán ở nhà in « Du Nord » 133 phố Hàng-bông Hanoi và các nhà bán sách.*

1) Bản dịch ra chữ Pháp 3p.50 — Bản quốc âm 2p.50.

khi chỉ nhìn nhau suông, không biết nói gì; ai cũng nhấp-nhỏm như muốn cáo từ cho thoát cái vòng không-khí gượng-gập.

Trong số anh em ta, có người rất cẩn-thận dè-dặt lời nói, vì chưng đã nghĩ rằng con người hoàn-toàn khôn-ngoan chính là người bình-tĩnh, điềm-đạm, ít nói. Người ta có ý-kiến gì hay, có tư-tưởng gì đẹp, người ta coi như những « bí-hiểm nhà nghề » không dám truyền-bá cho nhau biết. Chỉ lo sợ nếu bở cơ ra người khác thu-nhặt mất ! Vì thế, những dịp hội-đàm của chúng ta tránh sao cho khỏi tẻ-nhạt ?

Nhưng ví bằng chúng ta có chuyện chăng nữa, chẳng qua chỉ những là điều nói đến « cái tôi », hoặc là bình-phẩm người khác...

Muốn khêu gợi ra chuyện, chúng ta không thấy một vấn-đề gì ! Muốn tiếp nối cho chuyện thêm đằm-thắm, chúng ta tìm không ra một tài-liệu nhỏ !

Vậy, có phải là tại chúng ta không chịu xem nhiều, đọc rộng ? Sách, báo ở xứ ta, ngày nay, nào còn hiếm nữa đâu ? Trong mấy năm gần đây, các nhà thức-giả đã cho phiên dịch ra quốc-âm những pho sách bẩu dặn-giảng về văn-hóa âu-tây, á-đông... Và, hiện giờ, bao nhiêu sách, báo chuyên về khảo-cứu, về luận thuyết tiếp-tục phát-hành ; có rất nhiều tài-liệu chắc-chắn đính-chính lại những văn-bài tam sao thất bản, đính-chính lại những việc xưa truyền lại hồ-đồ không căn-cứ vào đâu... Rồi, nay mai, ta còn sẽ thấy những loại sách chuyên-khoa ra đời nữa...

Đấy, cả một kho báo sách, đủ các loại, vừa trình-độ hết thảy mọi người ; các giới ở xã-hội ta, người nào cũng có thể đọc được. Đấy, một số lớn bảo-vật của rừng văn-chương xứ ta lúc nào cũng sẵn-sàng giúp ích cho những ai muốn học thêm, biết rộng.

CÂY THÔNG

---

**Đón coi số xuân Tri-Tân**

**Chân 22 đời của vua Trần Anh-Tôn hiện ở ngoại-quốc**

*của SỞ-CUỒNG*

---

# *Lý-Chiêu-Hoàng*

*Tiếp theo trang 18*

Siêu-nhiên cảnh vật, tĩnh-trai tâm hồn,
Khi trống dóng, lúc chuông dồn.
Trống chuông vang dội tiếng tròn quanh năm.

CHIÊU-THÁNH
Chìm lòng say lắng viên âm,
Thôi đà tỉnh giấc mơ lầm từ đây.
Kể từ vào chốn am mây,
Không còn mong thấy dấu giày trần-gian.

NỮ-TỲ
Sương lam tan,
Sương lam tan,
Gió sẽ rung rung lạnh bức màn...
Xạc xào, chim réo trên cành trúc,
Đêm b ếc chơi-vơi đã vội tàn.

CHIÊU-THÁNH
Đêm tàn
Rung rinh màn.
Màn rung rung nhẹ theo hương khói,
Khói lạnh lươi-lươi nhịp gió đàn.

NỮ-TỲ
Ngoài trời,
Sương thôi rơi,
Ngày xưa gió rộn hơn muôn thuở,
Trong gió ngày nay hật tiếng đời.
Ngày xưa gió nhẹ rung tơ tóc,
Tay gió ngày nay, hết cợt người.

CHIÊU-THÁNH
Xa rồi,
Nguôi rồi,
Thôi quên rồi.
G ấc mộng hồng-trần thoảng thế thôi.

NỮ-TỲ
Ngoài trời
Sương thôi rơi
Hương trầm lan cửa Phật.
Mây khói rủ trần-ai.
Bụi hồng cuốn mãi người say mộng,
Rừng tía vào ngàn những tiếng đời.
Ngoài trời
Sương thôi rơi ;
Lòng nhẹ chơi-vơi,
Gió nhẹ chơi-vơi,

Hồn buông cánh lặng theo lời « viên âm »
(Màn từ từ hạ)

(HẾT)

PHAN-KHẮC-KHOAN

SỐ 8

TIỂU-THUYẾT DÀI

# THOÁT CUNG VUA MẠC

CHU-THIÊN viết

Liên-Tường nghe sư già dạy vậy, cũng được nguôi-nguôi và dần dần biết an phận đợi thời.

PHẦN THỨ HAI

II

Giời đã bắt đầu rét. Thỉnh thoảng có những ngày gió bấc thổi ào-ào làm se mặt hồ ao, và luồn qua lá cây, ngọn cỏ, làm se cả mặt và lòng người nữa! Nhất là những người gặp phải cảnh ngộ éo-le như Liên-Tường tiểu-thư. Mỗi cơn gió thổi lại nhắc nàng nhớ đến cha già trong ngục tối, hơn sáu chục tuổi già, chống sao nổi với từng cơn rét cam gắm như dao cắt! Nàng buồn rầu, nàng lo-lắng, nàng bán-khoăn... Nhưng đã xoay sở hết cách, nàng được kinh-nghiệm đau-đớn rằng một tấm thân mềm-yếu trẻ dại và còn đang chốn-tránh như nàng, không tài nào làm nên công-trạng gì để xoay nổi cục-diện... Nàng đành nghe sư già mà nhẫn-nại âm thầm đợi một người quyền-thế và trung hậu nể sư già sẽ đến giúp đỡ nàng. Nhưng cái người như thế biết rằng có thể có được không? Hay lại chỉ là huyền-tưởng! Ngày lại ngày, nàng chỉ thấy toàn một phường cậy quyền hống-hách bắt nạt nhà chùa, và trông thấy nàng, họ chỉ lam-le săn đón như mèo quyện quanh liễn mỡ, tuy nàng đã náu mình trong bộ áo nâu sồng! Nàng càng buồn thêm, lo cho tấm thân mình tạm trú ở cửa Thiền này chưa chắc đã yên ổn. Cho nên chiều chiều rồi chiều chiều, nàng đúng lệ ra chùa Một-cột, thành kính rón-rén bước lần bậc thang lên thắp nén hương, rồi tâm-tâm niệm-niệm khấn Phật Thánh và đức Long-thần phù hộ cho công việc cứu cho cha chóng được như ý. Khấn và lễ xong, nàng lại rón-rén lần xuống và thong thả đi quanh cái hồ vuông, mắt đăm-đăm nhìn lên tòa chùa vuông sừng sững trên một cái trụ tròn xây vững-trãi ở giữa hồ, miệng lầm nhầm tụng kinh, niệm Phật. Nước hồ trong vắt, lặng tờ như tấm gương in rõ bóng chùa và bóng cô thiếu-nữ đang nhẹ nhàng cất bước. Như thế đã thành lệ, chiều nào cũng đi hết vòng cái hồ vuông ấy, thì rẽ lối vườn sau về phòng riêng.

Nhưng hôm nay, khác. Một sự bất ngờ đã đến: nàng vừa ở trên bậc thang để chân xuống đất, thì ở phía chùa Chính tiến lại một vị võ quan mặc áo gấm chẽn màu lam, thắt đai đỏ đi ủng đen, chân bước thoăn-thoắt, mà đôi mắt chằm-chặp nhìn nàng, làm nàng luống-cuống lo sợ, phải đứng dừng và cúi mặt nhìn xuống hồ. Nàng lo-sợ hơn nữa là hôm nay không phải ngày tuần-tiết gì mà sao lại có vị võ quan đến đột-ngột và sỗ-sàng như vậy, chắc có chuyện gì chẳng lành, nên nàng vội cắm đầu rảo bước theo lối đường vườn sau chùa một mạch về phòng...

Nàng về đến phòng riêng, nể-oải buông mình xuống ghế, bụng phân-vân ngũ-ngợi, không biết cái vị võ-quan kia vô-tình hay hữu-ý mà lại đón gặp nàng giữa lúc nàng ở trên chùa cao đi xuống. Mà sao họ lại đi một mình, trong lúc vắng-vẻ, không một người nào theo sau? Các sư, các tiểu đâu? Những câu hỏi ấy đang vẩn-vơ trong óc nàng, thì sư cụ đến. Ngài âu cần hỏi:

— Sao con lại chạy vội thế con? Có gì đâu mà sợ. Quan Cẩm-y Thị-vệ hầu cận Mạc-vương tên là Trịnh Hồng đấy mà. Bần-tăng muốn trông cậy ông ta giúp con

Liên-Tường lúc ấy mới đỡ lo, vội nói:

— Bạch sư-tổ, thế mà người không bảo con trước, làm con sợ hết hồn, hết vía! Không phải ngày tuần mà lại giữa lúc vắng-vẻ không có ai, ông ấy lại cứ nhìn con chằm-chặp... Con cuống lên, chạy bán sống bán chết..

— Ấy bần-tăng đợi công-việc chắc hẳn rồi mới bảo con, chứ nói trước mà rồi việc không thành, chỉ tổ làm cho con buồn thêm. Nên bần-tăng chưa kịp nói với con.

— Bạch sư-tổ, người thương con, nghĩ cho con chu-đáo quá!

Sư-cụ cười đáp:

— Việc đời phải thế chứ. Cứ nóng-nảy như con thì hỏng... Ông này thường đi lại lễ Phật ở đây; bần-tăng quen đã lâu. Ông ta cũng là người tử-tế mà lại có thế-lực ở trong Nội bây giờ. Ngay từ khi con đến đây, bần-tăng đã nghĩ đến trông-cậy vào ông ta. Nhưng luôn mấy tuần, ông ta đều bận việc không đến lễ Phật được. Mà việc của ông thì quan-bệ lắm, nhỡ ra một tí thì khốn cả lũ, nên bần-tăng không dám nhắn và cũng không dám thân-hành đến chơi nhà ông ta. Bần-tăng chỉ nói xa-xôi cho ông ta cố cất công đến lễ chùa, có dịp để mình nói chuyện. Thì hôm rằm vừa rồi, ông ta ra lễ, nhưng đông quá, không tiện nói, bần-tăng chỉ dặn ông ta hôm nào rỗ, lại ra vãn-cảnh. bần-tăng nhờ giúp nhà chùa một việc rất cần, một quả phúc lớn. Hôm nay, nhân có việc đi vào Từ-Liêm về, ông ta tạt qua đây, bần-tăng đã nói rõ chuyện oan-khuất của Phan đại-nhân và chí của con, ông ta hẹn có thể giúp được và có chạy ra xem người con thế nào mà hiếu-tâm mạnh mẽ như vậy. Rồi ông ta lại vội về, hẹn mai xem qua cái án của Phan đại-nhân, rồi sẽ ra đây tìm cách giúp con ngay.

Cứ như bần-tăng xem, thì ông ta vốn là người từ tâm mộ-đạo, còn có thể tin cậy được. Vậy mai ông ta đến, con đừng sợ-hãi mà cứ thực tình khai rõ mọi ẩn-khúc để ông ta tìm cách nói với Mạc-vương.

Liên-Tường đăm đăm lắng tai nghe sư cụ nói, đến đấy vội cung-kính đáp :

— Bạch sư-tổ, vâng ạ ! Nếu quan Cẩm y thị-vệ nể Sư-tổ mà giúp cho cha con được mau ra khỏi nhà lao, thời công ơn ấy thật như giời như bể, con quên thế nào được, mà không khai rõ tình đầu? Con đương lo cha con tuổi già gặp dạo rét này, ở trong ngục, chịu sao nổi ! Nhưng con chỉ sợ việc khó khăn quan thị-vệ ngài không hết sức giúp.

Sư cụ cười nói :

— Không ngại,con ạ,ông ta người tử-tế lắm, lòng vốn mộ phật thương người, bần-tăng đã biết, nên bần tăng mới dám nói với ông ta chứ. Vậy, con cứ yên tâm và ý nghĩ thế nào thì sắp sẵn trước đi,để mai nói chuyện với ông ta.

— Bạch Sư-tổ vâng ạ Xin sư-tổ ân cần nói với quan Cẩm-y hết sức giúp cho.

— Được, điều ấy bất tất con phải dạn.

Nói xong. sư cụ thong-thả bước về trai-phòng, trong khi ở trên chùa tiếng chuông « *thỉnh mộ* » đang thong-thả buông rơi những tiếng ngân-nga vang động cả làn không-khí tĩnh-mịch trong chùa

Cùng với tiếng chuông, lòng Liên-Tường cũng rộn-ràng phấn-khởi, trai tim đập mạnh, tâm chí lâng-lâng, như một người khát đi trong sa-mạc mà vẳng nghe thấy tiếng suối rào-rào chảy. Vì trong óc người con gái chi-hiếu ấy bấy giờ chỉ nghĩ đến một mục-đích cứu cha, mà nay công việc ấy sắp-sửa thành-tựu thì thì bảo nàng không mừng sao được? Cho nên nàng không nghĩ xa quá, không suy-lượng nhiều, đêm ấy nàng đã phác họa đến cái cảnh dắt cha đi tìm mẹ, để rồi cả nhà gặp nhau, xum họp trong một túp lều giành,bên cạnh một cảnh chùa tĩnh mịch như thế này, mọi người đều sống trong bầu thân-yêu vui-vẻ !

Rồi nàng ngủ thiếp đi, kéo một giấc ngon lành không đứt đoạn, không mê sảng cho mãi đến sáng hôm sau,tiếng gà đã gáy rồn và tiếng chim đã riu-rít trên cành, nàng mới dậy, tinh-thần rất thư-thái.Nàng vui-vẻ đi làm những công việc cần hằng ngày, và lên chùa thắp hương lễ Phật... Đoạn, nàng lại về phòng riêng đợi vị ân-nhân.

Thời khắc chờ đợi lâu biết chừng nào ! Đứng lại ngồi, đi lên đi xuống mãi, vẫn chưa thấy vị võ-quan kia, nàng đã bắt đầu thấy sốt ruột. Mặt giời đã lả về phía tây-nam, nàng càng thêm băn-khoăn lo-lắng...

— Có lẽ ông ấy không đến ?

— Hay là việc nguy-cấp quá, ông ấy không thể giúp được ?

— Hay cha ta không còn ở đây nữa ? Bị đem đi đâu rồi ?

— Hay gian thần đã sàm tấu đem hành hình rồi ?

Biết bao câu hỏi nhanh như chớp rồn-rập đến khuấy rối nàng ! Cái tâm trạng không còn được mảy-may bình-tĩnh như đêm qua nữa. Nó lại trở lại rối-bời rày-vò phũ-phàng gấp mấy trước. Không cầm nổi, nàng đành nằm gục xuống bàn mà thổn-thức.

Thời khắc nặng-nề trôi ! Chợt sư-cụ đến trước cửa hỏi to :

— Liên-Tường có trong ấy không, con ?

Nàng vội-vàng đứng dạy ;

— Dạ, bạch Sư-tổ, có ạ !

Sư Cụ bước vào, trông thấy hai mắt nàng đỏ ngầu, vội hỏi :

— Sao ? con khóc à ?

— Dạ, bạch sư-tổ, con chờ lâu nóng ruột đấy thôi ạ !

— Ồ con nóng nẩy hay lo quá. Ông ta còn bận việc bây giờ mới đến được. Thôi con đi rửa mặt đi, rồi lên trai-phòng hầu chuyện ông ta. Mau lên con nhé.

— Bạch sư-tổ, vâng ạ !

Liên-Tường vội-vàng đi rửa mặt rồi ăn vận gọn-ghẽ, tiến lên trai-phòng, đứng thập-thò ở ngoài. Sư-cụ trông thấy, liền đứng dậy vẫy nàng, và nói với viên Cẩm-y thị-vệ Trịnh-Hồng rằng :

— Bẩm Đại quan, Liên Tường tiểu-thư đã lên bái trình.

Liên-Tường tiểu - thư bước vào sụp xuống lạy và kính cẩn chào ;

— Tiện-tỳ xin bái kiến đại-quan !

Trịnh-Hồng vội đứng lên đỡ nàng dậy, mời ngồi rồi ôn-tồn nói :

— Ở đây cửa Phật từ-bi phả độ, tiểu-thư không nên quá giữ lễ làm vậy.

Liên-Tường thưa :

— Bẩm đại-quan nể sư-tổ đã thân hành đến đây, tiện-tỳ được đường-đột bái kiến thế này, thật không thể nào giữ đủ lễ được, xin đại-quan vạn xá cho.

Trịnh-Hồng cười đáp :

Tiểu-thư nói quá vậy, chỉ sợ tôi đây võ-biền không biết đủ lễ, tiểu-thư lại cười cho ấy. Nhưng thôi, chúng ta nói ngay vào chuyện. Tôi đã được sư-cụ đây nói cho biết nỗi oan của Lệnh-tôn và chi dâng sớ khiếu oan của tiểu-thư, tôi rất lấy làm cảm phục. Triều - đình đã ghép Lệnh-tôn vào tội bạn-nghịch ; nay muốn gỡ tội cho ngài, phải tìm đủ mọi nguyên-nhân uẩn-khúc có thể bác cái án - nghị của Triều-đình. Sư-cụ đây mới nói qua - loa thôi. Vậy nay tiểu-thư nên kể rõ để tôi liệu chiều nói với Mạc - vương.

Liên-Tường lại phải thuật lại cái chuyện đau lòng mà mỗi khi nhắc đến cứ như những nhát dùi đâm vào ruột !

(*Còn nữa*)

CHU-THIÊN

---

## Bia văn-miếu

(*tiếp theo trang 4*)

« túc học », sai giữ việc văn cáo, đi sứ Chiêm - thành, làm quán đến Thông-phụng đại-phu,Hàn-lâm học sĩ, Nhập thị kinh-diên. Phàm chiếu, lệnh, chế, sắc, phù, khoán thời bấy giờ, đều tay ông soạn cả. có làm quyển *Chuyết-am văn-tập*, hiện còn tám bài thơ cổ - thể và sáu mươi-nhăm bài thơ cận - thể trong bộ *Toàn-việt thi-lục* của ông Lê-quí-Đôn (sách viết của Bác-cổ, số A 1262, quyển 7, tờ 27 a - 41a).

(*Còn nữa*)

*Ứng-hòe* NGUYỄN-VĂN-TỐ

## Giai-thoại trên đàn-văn

# Tả-quân Lê-văn-Duyệt và Nguyễn-công-Trứ

Ông Nguyễn-công-Trứ là người làng Uy-viễn huyện Nghi-xuân, tỉnh Hà-tĩnh. Thuở hàn-vi làm học-trò, một hôm trời rét, nhân có việc đi xa phải vào quán nước cạnh đường nghỉ chân. Lúc ấy có đại bình quan Tả quân Lê-văn-Duyệt đi tập về, mọi người đều đứng nép ra cạnh đường duy ông Trứ vẫn điềm nhiên ngủ. Quân tiền hô vào quán thấy có người nằm đắp chiếu trên ổ rơm gọi đậy thì vừa kịp quan Tả-quân tới. Thấy thế, ngài sai lính dẫn ông Trứ đến trước mặt hỏi rằng : « Cớ sao nhà mi thấy đại-quân tạ chầy qua mà cứ nằm lì không tránh ? » Ông Trứ đáng điệu thản-nhiên thưa : « Kẻ tiểu-sinh thực đáng tội, nhưng vì ngủ quên không biết đại vương đi qua, dám mong đại-vương tha thứ cho. » Coi người có vẻ nho nhã quan Tả-quân dịu dọng bảo : « Hễ nhà mi vịnh được hai câu thơ tả cảnh « đắp chiếu nằm ổ rơm » thì ta tha cho, nhược bằng không làm nổi, ta sẽ cứ theo quân pháp mà trị tội. »

Ông Trứ liền xin phép rồi ứng khẩu đọc rằng :

*Ba vạn anh hùng đè xuống dưới*
*Chín lần thiên-tử đội lên trên.*

Quan Tả-quân tấm tắc khen hay và tức khắc để cho đi.

Năm Gia-long thứ ba (1804) khi vua ra ngự Bắc-thành, ông Trứ có tới nơi hành-doanh để hiến sách. Quan Tả-quân đi hộ giá, vốn mến tài ông cho gọi đến tư thất để bàn nghĩa sách và hỏi hạn kinh truyện, ông thấy đều ứng đối trôi chảy. Nhân trên vách treo bức tranh vẽ cảnh hoàng-hôn, lại có người câu cá, điểm thêm đàn chim bay, quan Tả-quân sai lính lấy xuống rồi bảo ông đề vào đấy hai câu thơ nôm, ông Trứ hạ bút viết ngay :

*Chim bay về núi tối rồi,*
*Sao không lo liệu còn ngồi chi đây*

Về tới kinh, những lúc đàm luận với các bạn đồng triều, quan Tả-quân Duyệt đã không quên nhắc tới tài học của ông Trứ và thêm vào một câu : « Người ấy — chỉ ông Trứ — có chí khí lớn, nếu triều-đình biết thu dụng, tất sau này sẽ là một bậc tôi lương đống của nhà nước. »

Quả nhiên, đến năm Gia-long thứ 18 (1819) ông Trứ đỗ giải-nguyên, làm quan trải thờ ba triều Gia-long Minh-mênh và Thiệu-trị từ chức Doanh-điền sứ đến Tham-tri rồi Thượng-thư ; lúc nào ông cũng giữ một niềm trung-thành và tỏ ra người có lòng vì nước vì dân.

VÂN-THẠCH


*Mới có bán*

**TANG TÓC**

tiểu thuyết của *Vũ-trọng-Can* *giá* 0p 60

Có thêm phần phụ « Lãng mạn chủ nghĩa »

**TRÊN ĐỒI XIM**

tiểu thuyết của *Nguyễn-khắc-Mẫn giá* 0p.50

Có thêm phần phụ « Soi gương Jules Verne ».

*Nhà xuất bản*

**TÂN VIỆT**

*49 — Takou Hanoi*

*CÒN MỘT SỐ ÍT*

Thằng Tuất *của Trần-mai-Ninh* *giá* 0p 45
Nợ Văn *phóng sự của Lãng-Tử* *giá* 0p 45
Gió Đưa *của Vị-Hồ* *giá* 0p 45
Tiếng còi nhà máy *của Kim-Hà* *giá* 0p.55
Tôi làm xiếc *giải thưởng Việt-Báo 1940* *giá* 0p 38

Mỗi quyển đều có thêm phần phụ dành riêng cho những nhà thức giả.

*Sắp có bán*

**Thanh niên trước thế giới mới**

Nguyên tác của ANDRÉ MAUROIS do PHÙNG-NGUYÊN lược thuật

**VIỆT-NAM VĂN-HỌC**

do NGÔ TẤT-TỐ chủ trương

1·) Lý triều văn học
2·) Trần triều văn học I
3·) Trần triều văn học II
4·) Lê triều văn học I
5·) Lê triều văn học II
6·) Nguyễn triều văn học

Dày tất cả ngót 2000 trang in làm 2 hạng.

Loại giấy thường bán từ 6 p. 00 trở lên.
Loại đặc biệt — 20 p. 00 trở lên.
thêm cước gửi ngoài

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng janvier 1942 phải trả :
Loại giấy thường 4 p. 00 } cả tiền cước gửi.
Loại đặc biệt 12 p. 00 }

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng Février 1942 phải trả :
Loại giấy thường 5 p. 00 } cả tiền cước gửi
Loại đặc biệt 15p. 00 }

*Ngài nào muốn coi một cuốn đầu xin gửi :*
Loại giấy thường 1 p. 00 } cả tiền cước.
Loại đặc biệt 3 p 00 }

**Nhà in Mai-Lĩnh Hanoi xuất-bản**

Ô - tô, nhà lầu,
vợ đẹp, con khôn
tiền của nhiều...

*Đó là cái mộng tưởng của hầu khắp mọi người.*

Muốn có cơ dễ đạt cái mộng tưởng ấy, chỉ có một cách

*mua vé số*

# ĐÔNG-PHÁP

**1$00 một vé**

*Nhà thuốc tường đỏ*

# ĐỨC - PHONG

*45, Phố Phúc-kiến Hanoi*

Bán buôn đủ thuốc bắc, thuốc nam thuốc sống, bào chế, các thứ sâm, được tin nhiệm xưa nay về 3 đặc điểm: Thuốc tốt, cân đúng, giá phải chăng.

**MỚI PHÁT HÀNH 4 MÓN**

Thuốc kinh nghiệm rất quý

1· Thuốc bổ thận Đức-phong giá 1p.50
Chữa các chứng thận hư: di tinh, mộng tinh khí hư

2· Thuốc điều kinh bổ huyết Đức-phong giá 1p.20
Kinh nguyệt thấy đều, tăng sức khỏe cho các bà, các cô.

3) Thuốc bổ tỳ tiêu cam Đức-phong giá 1p.00
Chữa chứng cam run, thuốc bổ của trẻ em

4·) Thuốc đại bổ Đức-phong giá 1p.50
Bổ khí huyết, dưỡng thai, thuốc bổ của nam phụ lão ấu.

CÓ ĐẠI LÝ CÁC NƠI: Hiệu thuốc Đức tiến, 200 Route de Huế Hanoi, Hiệu thuốc Đức-Mỹ 52 bis Bạch mai Hanoi hiệu Đức-Hưng-Tường 437 Ngã-tư Trung-hiền Hanoi, hiệu Mai-Lĩnh 60, 62 Paul Doumer Haiphong, hiệu Mai-Lĩnh 120 Geoges Guynemer Saigon, hiệu Đậu hiên 81 rue Harmand Hưng Yên, hiệu Đức-thịnh 126 phố Tiền-An Bắc-ninh, nhà Anh-Mỹ 16 phố Hàng Da Hanoi, Tự-Toàn 144 rue Duvilliers Hanoi, Vũ-văn-Kích Avenue Aristide-Briand Boite postales N· 62 PhnomPenh.

*THOÁI-NHIỆT-TÁN HỒNG-KHÊ*

Cảm, sốt, nhức đầu, đau sương đau mình, trẻ con người lớn chỉ uống một gói Thoai-Nhiệt-Tan hiệu Phật 12 tay giá 0p.10, 5 phút ra mồ hôi khỏi hẳn.

*THUỐC KHÍ HƯ*

Các bà bị bệnh ra khí hư (sích bệch đái hạ) uống đủ các thứ thuốc không khỏi, chỉ dùng một hộp thuốc khí hư Hồng-Khê số 60 giá 1p.00 uống trong và một hộp thuốc Ninh-Khôn Hoan Hồng-Khê giá 1p.50 đồ vào cửa mình là khỏi rứt. Trăm người chữa theo cách này khỏi cả trăm.

*ĐIỀU KINH DƯỠNG HUYẾT*

Các bà các cô kinh không đều máu sấu uống thuốc Điều kinh dưỡng huyết Hồng-Khê (0p 50 một hộp) kinh đều huyết tốt ngay.

*THUỐC «CAI HỒNG-KHÊ»*

Không chộn lẫn chất thuốc phiện (nhà đoan đã phân chất), nên ai ai cũng có thể bỏ hẳn được mỗi ngày hút một đồng bạc thuốc phiện, chỉ uống hết 0p 20 thuốc cai là đủ vẫn đi làm việc như thường, thuốc viên 0p.50 một hộp, thuốc nước 1p.00 một chai.

*THUỐC PHONG TÌNH HỒNG-KHÊ*

*Giấy thép buộc ngang giời. Thuốc Hồng-Khê chữa người lẳng lơ!* Hai câu sấm này, ngày nay quả thấy ứng nghiệm, vì ai bị lậu không cứ mới hay kinh-niên uống thuốc lậu Hồng-Khê số 30, mỗi hộp 0p 60 cũng rứt nọc, ai bị bệnh giang mai không cứ về thời kỳ thứ mấy, mới hay đã nhập cốt rồi, uống thuốc giang mai số 14 cũng khỏi rứt nọc một cách êm đềm không hại sinh dục, nên khắp nơi đau đau cũng biết tiếng.

**NHÀ THUỐC HỒNG-KHÊ**

*Tổng cục:* 75 Phố Hàng Bồ. *Chi nhánh* 88 Phố Huế Hanoi và đại-lý các nơi.
Có biếu sách GIA-ĐÌNH Y-DƯỢC và HOA-NGUYỆT CẨM-NANG để phòng thân và trị bệnh

Imp. spéciale du Tri-Tân Administrateur-gérant: Dương-Tu-Quang